

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI  
(DOFICO)



**BCC**

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

## CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần Công ty TNHH MTV Xây dựng & Sản xuất VLXD Biên Hòa khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



**TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, Tp.HCM

Website: [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**BAOVIET**  **Securities**

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Địa chỉ: 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM

Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

*Tp. Biên Hòa, tháng 08 năm 2015*



# MỤC LỤC

<b>PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ</b> .....	<b>4</b>
1. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA .....	4
2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .....	5
3. CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	7
<b>PHẦN II: TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA</b> .....	<b>8</b>
1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY .....	8
2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	8
3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	9
4. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU .....	10
5. CƠ CẤU QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC.....	16
6. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA.....	17
7. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP .....	20
8. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....	31
9. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY 3 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	31
10. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH .....	42
<b>PHẦN III: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA</b> .....	<b>46</b>
1. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	46
2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3 NĂM LIÊN KẾ SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ .....	53
3. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	61
4. RỦI RO DỰ KIẾN .....	62
<b>PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN</b> .....	<b>65</b>
1. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	65
2. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ .....	67
3. KẾT LUẬN.....	68



# CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 111225  
do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/11/1996, đăng ký thay  
đổi lần thứ 7, ngày 27/3/2014)

## CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tổ chức có cổ phiếu được chào bán:	<b>CỔ PHẦN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA</b>
Vốn điều lệ của tổ chức được chào bán:	<b>450.000.000.000 đồng</b>
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	45.000.000 cổ phần
Mệnh giá:	10.000 đồng / 1 cổ phần
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần bán đấu giá:	<b>6.052.400 cổ phần</b>
Chiếm tỷ lệ:	13,45% vốn điều lệ
Phương thức chào bán:	Đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
Giá khởi điểm:	<b>12.600 đồng/cổ phần</b>
Bước giá	100 đồng
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa
Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa:	6.052.400 cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu:	100 cổ phần
Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua tối đa:	6.052.400 cổ phần
Địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần:	Tại các đại lý đấu giá
Thời gian đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc, nhận và nộp phiếu đấu giá, thời gian tổ chức đấu giá:	Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

**PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ****1. Căn cứ pháp lý của đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công Ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Văn bản số 86/TTg-ĐMDN ngày 16/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND Tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 2012-2015.
- Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của UBND Tỉnh Đồng Nai về Kế hoạch chuyển Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
- Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 12/08/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Một thành viên Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa thành công ty cổ phần.
- Công văn số 6183/UBND-KT ngày 06/08/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Một thành viên Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.



## 2. Những người chịu trách nhiệm chính đối với bản công bố thông tin

## 2.1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá

Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng	Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Tổng công ty	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty	Phó ban
Ông Ngô Minh Dũng	Phó giám đốc Sở Nội vụ	Thành viên
Ông Đặng Minh Đức	Phó Giám Đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chi cục trưởng Chi cục TCDN	Thành viên
Ông Khương Thái Học	Q. Trưởng phòng Phòng Chính sách Sở LDTB&XH	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Trưởng phòng Kinh tế Ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên
Ông Nguyễn Tử Mục	Thành viên HĐQT - Giám đốc kinh doanh Tổng công ty	Thành viên
Ông Trần Hữu Đức	Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính Tổng công ty	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Long	Giám đốc Nhân sự Tổng công ty	Thành viên
Ông Đinh Văn Hồng	Phụ trách Kiểm soát viên Tổng công ty	Thành viên
Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT - Giám đốc công ty BBCC	Thành viên
Ông Hứa Hồ Điệp	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc công ty BBCC	Thành viên
Ông Hồ Ngọc Liệp	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc công ty BBCC	Thành viên
Ông Huỳnh Đường Tài	Kiểm soát viên Công ty BBCC	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiều Ngân	Kiểm soát viên Công ty BBCC	Thành viên
Ông Lê Sĩ Lâm	Phó văn phòng UBND Tỉnh Đồng Nai	Thành viên

**2.2. Tổ chức phát hành****CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU  
XÂY DỰNG BIÊN HÒA.**

**Ông Huỳnh Kim Vũ            Giám đốc**

**Ông Phạm Quốc Thái        Kế toán Trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để nhà đầu tư có thể đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, giá trị doanh nghiệp và triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa.

**2.3. Tổ chức tư vấn****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

**Ông Võ Hữu Tuấn            Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh**

**Ông Nguyễn Văn Khánh    Trưởng phòng tư vấn chi nhánh Tp.HCM**

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa cung cấp nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.



## 3. Các thuật ngữ viết tắt

Tổ chức phát hành:	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (BBCC)
Tổ chức tư vấn đầu giá:	Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)
Cổ phiếu:	Cổ phiếu của Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa (là công ty sau khi chuyển đổi Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa thành công ty cổ phần)
UBND:	Ủy ban Nhân dân
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV:	Một thành viên
VLXD:	Vật liệu Xây dựng
CTCP:	Công ty cổ phần
HĐTV:	Hội đồng thành viên
CPH:	Cổ phần hóa
DHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
BCTC:	Báo cáo tài chính
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
TSCĐ:	Tài sản cố định
HĐ:	Hợp đồng
ROS:	Tỷ suất lợi nhuận ròng
ROA:	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
ROE:	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

## PHẦN II: TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

## 1. Giới thiệu về Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
- Tên tiếng Anh: BIEN HOA BUILDING MATERIALS PRODUCTION AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED
- Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
- Tên viết tắt: BBCC
- Vốn điều lệ : 367.000.000.000 (Ba trăm sáu mươi bảy tỷ đồng)
- Trụ sở chính: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại: (84 61)3 859358
- Fax: (84 61)3 859917
- Biểu tượng:



BBCC

- Website: [www.bbcc.com.vn](http://www.bbcc.com.vn)
- Giấy phép kinh doanh số 111225 do Sở Kế hoạch Đầu tư Đồng Nai cấp ngày 16/11/1996; đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 27/3/2014.

## 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đại lý;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;



- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: kinh doanh khu du lịch sinh thái;

### 3. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 03/12/1983, Xí nghiệp khai thác Đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 01/4/1988, Xí nghiệp Sản xuất VLXD Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 xí nghiệp: Xí nghiệp khai thác đất, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/QĐ-UBTP ngày 10/3/1988 của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 12/03/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 12/11/1996, Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 5425/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 13/9/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 29/6/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ-UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

Ngày 01/10/2003 sáp nhập Xí nghiệp Khai thác- Chế biến đá Tân Bán vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT 26/9/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai.



Ngày 01/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT ngày 27/7/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 05/5/2005, Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 07/7/2005, UBND tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền chủ sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

Ngày 29/6/2006, sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

#### 4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

##### 4.1 Khai thác chế biến đá xây dựng

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa- BBCC là doanh nghiệp hàng đầu có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng. Đây là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của công ty, BBCC tự hào đã khẳng định được thương hiệu của mình qua các sản phẩm đá cung cấp cho các công trình thi công cầu đường và các công trình xây dựng ở các tỉnh miền Tây, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam bộ như: công trình Quốc Lộ 1, Quốc Lộ 51, Quốc lộ 80, Quốc Lộ 91, Quốc lộ 20, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Trung Lương, đường cao tốc Long Thành- Dầu Giây, các tuyến đường vành đai thành phố Hồ Chí Minh, đại lộ Đông Tây, cầu Mỹ Thuận, cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu, sân bay Tân Sơn Nhất, khu công nghệ cao quận 9,... Công ty đã không ngừng hoàn thiện, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, gắn với đầu tư máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước phục vụ cho công tác quản lý, khai thác, chế biến đá xây dựng.



Đá 1×2



Đá 0×4





Đá 4×6



Đá 5×7

Hiện nay, BBCC chiếm phần lớn thị phần sản phẩm đá cung cấp cho khu vực phía Nam từ tỉnh Bình Thuận đến Kiên Giang và là đơn vị sản xuất ra nhiều chủng loại sản phẩm đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng, công trình. BBCC đang quản lý, khai thác và kinh doanh 05 mỏ đá, trải rộng trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, huyện Thống Nhất và thành phố Biên Hòa, Công ty hoàn toàn có đủ khả năng cạnh tranh cung cấp đá cho toàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam bộ.

Nhằm cung ứng cho khách hàng sản phẩm đá xây dựng có chất lượng tốt nhất, trong thời gian qua Công ty đã đầu tư nhiều loại máy móc thiết bị hiện đại, có công suất lớn như:

- Mười (10) máy khoan đá thủy lực, mới 100% do Châu Âu và Nhật Bản sản xuất: TamRock Ranger 8002 (Phần Lan), TamRock Pantera 800, TamRock Pantera 1100, TamRock CHA 660, Atlas Copco Roc D7, Atlas Copco Roc D9-11 (Thụy Điển), và Furukawa (Nhật Bản) với đường kính lỗ khoan từ  $\square$ 89-127mm.
- Ba mươi lăm (35) máy nghiền sàng đá có công suất từ 200- 250 tấn/giờ, sản xuất nhiều loại sản phẩm đá có chất lượng cao, thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng (Công ty 24 máy, gia công 11 máy).
- Ba mươi (30) xe xúc hiện đại, gàu 3-4 m<sup>3</sup> chủ yếu là loại xe do hãng Volvo-Thụy Điển (19 chiếc), Caterpillar- Mỹ (7 chiếc) sản xuất và 04 xe xúc chenggong (Trung Quốc).
- Công ty đã đầu tư nhiều loại máy móc thiết bị chuyên dùng để phục vụ cho việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đá như: 18 máy đào công suất lớn các loại (Nhật, Mỹ sản xuất) và 81 xe tải ben 15 tấn hiệu Hyundai, Sangyong, Daewoo, Howo, 09 xe bồn nước tưới đường, 04 máy ủi D6 Caterpillar- Mỹ, 13 xe máy thiết bị cơ giới thi công cầu đường (gồm các hiệu nổi tiếng: xe bang CAT 12E, xe bang 12G, xe lu Watanabe, xe lu Kawasaki, xe lu Cade, xe lu bánh, xe trải nhựa Sumitomo lớp Mitsubishi, xe lu CS 531 Xe lu Hyster... và các xe cầu, xe nâng chuyên dùng phục vụ sản xuất.
- Bến thủy nội địa dùng bốc dỡ đá: các mỏ đá của Công ty có vị trí thuận lợi về đường bộ và đặc biệt là đường thủy. Nhằm khai thác lợi thế về đường thủy,



Công ty đã đầu tư xây dựng các bến thủy nội địa để phục vụ giao nhận hàng như: bến thủy nội địa Thạnh Phú (ấp Ông Hoàng, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu), bến thủy nội địa Thiện Tân (ấp 6-7, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu) có công suất bốc dỡ mỗi cần băng tải là 300m<sup>3</sup>/giờ, năng lực bốc dỡ đá tại các bến thủy nội địa của BBCC trên 2.000.000 m<sup>3</sup> đá thành phẩm/năm, có thể tiếp nhận sà lan có tải trọng lớn từ 800 m<sup>3</sup> đến 1.500 m<sup>3</sup> đá và việc giao bốc dỡ đá xuống sà lan rất nhanh chóng, tiện lợi qua hệ thống băng tải, đảm bảo không rơi đá ra ngoài, đủ khối lượng, tuyệt đối an toàn và không làm ô nhiễm môi trường so với bốc dỡ bằng phương tiện cạp đá truyền thống trước đây.

- Bến thủy nội địa Phù Sa (xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa)- BBCC đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai qui hoạch thành cảng thủy nội địa Hóa An hoạt động ổn định lâu dài, phục vụ nhu cầu bốc dỡ vật liệu xây dựng và các mặt hàng khác, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển kinh tế hạ tầng khu vực thành phố Biên Hòa và các vùng lân cận.

Tổng hợp một số khách hàng tiêu biểu hàng năm từ năm 2006 đến 2014:

<i>Tên khách hàng</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Loại sản phẩm đá cung cấp</i>	<i>Khối lượng đá cung ứng (m<sup>3</sup> đá các loại)</i>	<i>Giá trị thực hiện (triệu đồng)</i>
Nguyễn Văn Pha	2006	0x4, 1x2, 4x6, 5x7, mi sàng, mi bụi	163.305	32.324
Ngô Thị Lệ Hà	2006	//	325.037	22.937
Trần Văn Đông	2006	//	233.699	17.017
Trần Văn Đông	2007	//	590.508	35.883
Ngô Thị Lệ Hà	2007	//	462.480	34.275
DNTN Sáu Muồn	2007	//	493.055	32.824
Công ty TNHH Hiếu Thảo Thuận	2008	//	225.087	63.306
DNTN Sáu Muồn	2008	//	423.564	61.943
DNTN Thiện Khiêm	2008	//	101.615	45.349
Công ty TNHH Hiếu Thảo Thuận	2009	//	816.000	89.316
DNTN Sáu Muồn	2009	//	584.912	62.520
DNTN Thiện Khiêm	2009	//	339.982	53.735
DNTN Sáu Muồn	2010	//	932.677	71.056
Công ty TNHH Hiếu Thảo Thuận	2010	//	619.331	70.747
DNTN Châu Pha	2010	//	302.610	38.499
DNTN Sáu Muồn	2011	//	661.046	73.560
Công ty TNHH Hiếu Thảo Thuận	2011	//	611.968	71.937
DNTN Châu Pha	2011	//	216.613	27.270
DNTN Sáu Muồn	2012	//	470.924	52.902
Công ty TNHH Hiếu Thảo Thuận	2012	//	286.779	30.685
DNTN Châu Pha	2012	//	166.942	18.451
DNTN Sáu Muồn	2013	//	315.135	34.317
Công ty CP ĐTPT Cường Thuận – IDICO	2013	0x4, 1x2, mi sàng, mi bụi	74.424	22.033
Công ty CP XD Phú Thành	2013	0x4, 1x2, 4x6	109.842	18.955



<i>Tên khách hàng</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Loại sản phẩm đá cung cấp</i>	<i>Khối lượng đá cung ứng (m<sup>3</sup> đá các loại)</i>	<i>Giá trị thực hiện (triệu đồng)</i>
Công ty Đông Mê Kông	2014	0x4, 1x2, 4x6, mi sàng, mi bụi	352.365	62.700
DNTN Sáu Muôn	2014	0x4, 1x2, 4x6, 5x7, mi sàng, mi bụi	204.816	23.113
Công ty CP XD Phú Thành	2014	0x4, 1x2, 4x6, 5x7, mi sàng, mi bụi	195.407	37.003

*Nguồn: BBCC*

#### 4.2 Thi công các công trình cầu đường, xây dựng

Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng thuộc BBCC cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng với đầy đủ công đoạn từ khảo sát, thiết kế và thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp, hướng đến khép kín quy trình sản xuất để thỏa mãn nhu cầu khách hàng ngày càng tốt hơn.

Một trong những thế mạnh so với các công ty khác là BBCC có đội ngũ kiến trúc sư, kỹ sư có nhiều năm kinh nghiệm, đưa ra giải pháp thiết kế, thi công công trình để khách hàng chọn lựa theo nhu cầu. Hơn nữa, do BBCC hoàn toàn chủ động trong việc cung cấp đá, vật liệu xây dựng các loại nên khi thi công công trình sẽ tiết kiệm được chi phí, thời gian và rút ngắn tiến độ thi công so các nhà thầu khác.

Một số công trình chủ yếu do BBCC thi công từ năm 2008 - 2014:

<i>Tên dự án</i>	<i>Năm</i>	<i>Chủ đầu tư</i>	<i>Giá trị hợp đồng (triệu đồng)</i>
Mặt đường và vỉa hè thuộc Dự án cải tạo nâng cấp Hương Lộ 26 - xã Tân Hạnh	2008	Ban Quản lý dự án TP.Biên Hòa	12.402
Đường Ông Thanh - Nhánh 1, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu	2009	UBND xã Thiện Tân	4.796
Thi công xây lắp gói thầu tuyến kênh hồ khu công nghiệp Bàu Xéo ra Sông Thao	2010	Công ty CP Thống Nhất	5.650
Thi công san lấp ao trũng và xây dựng mới tuyến ngang 3 tại khu phố 2,3 P.Thanh Bình, Biên Hòa	2010	Ban Quản lý dự án TP.Biên Hòa	2.713
Thi công nền, mặt đường, cây xanh, vỉa hè, sửa chữa hệ thống thoát nước Đường vành đai Sân vận động tỉnh, P.Tân Hiệp, Biên Hòa	2010	Ban Quản lý dự án TP.Biên Hòa	8.436
Cải tạo sửa chữa làm mới trại thực nghiệm gia súc, gia cầm- xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	2012	Công ty CP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc	2.038
Xây dựng khu tự sản tự tiêu, nhà xe thuộc chợ Biên Hòa, phường Hòa Bình, TP.Biên Hòa	2012	Ban Quản lý dự án TP.Biên Hòa	1.588
Các công trình thuộc khu Du lịch Bửu Long	2014	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu	3.710

<i>Tên dự án</i>	<i>Năm</i>	<i>Chủ đầu tư</i>	<i>Giá trị hợp đồng (triệu đồng)</i>
		Long	

*Nguồn: BBCC*

### 4.3 Kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng

Cùng với hoạt động khai thác đá xây dựng và thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp, BBCC hết sức chú trọng trong việc đưa sản phẩm trực tiếp từ khâu sản xuất đến khâu tiêu dùng và giảm dần khối lượng đá mua bán qua khách hàng trung gian nhằm đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.

Bên cạnh chức năng làm trung gian lưu thông hàng hóa do các đơn vị nội bộ sản xuất, Trung tâm Dịch vụ xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa đóng vai trò hết sức quan trọng, là nơi tiếp nhận các ý kiến phản ánh của khách hàng, để từ đó BBCC nhận biết chính xác nhu cầu, thị hiếu khách hàng và đưa ra chính sách kinh doanh hợp lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

Ngoài việc bán đá, Trung tâm còn thực hiện kinh doanh, cung ứng các loại vật liệu xây dựng như xi măng, sắt, thép, vật liệu nước, trang trí nội thất và phụ tùng cơ giới do các doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất.



*Gạch, Ngói các loại*



*Xi măng Hà Tiên, Chifon, FICO...*



*Bồn Inox Toàn Mỹ, Dapha, Hwata Vina,*



*Phụ tùng cơ giới*



*Sơn Hà.*

Hiện tại, Trung tâm Dịch vụ xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa quản lý và khai thác bến thủy nội địa Phù Sa phục vụ kinh doanh cát, đá xây dựng và bốc dỡ gia công các mặt hàng khác cho khách hàng, với 04 cần cầu cạp 45 tấn có khả năng cung cấp cho thị trường khu vực thành phố Biên Hòa và các tỉnh lân cận trên 100.000m<sup>3</sup> cát/năm và bốc dỡ trên 400.000 m<sup>3</sup> đá/năm, đồng thời gia công bốc dỡ các hàng hóa khác như sắt thép, phế liệu, gạch men, xi măng, phối thép... của các doanh nghiệp tại địa phương.

Trong năm 2014, BBCC đã thực hiện xây mới bờ kè bến thủy nội địa Phù Sa theo phương án quy hoạch cảng đường sông khu vực thành phố Biên Hòa do UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tận dụng lợi thế địa lý của bến Phù Sa, góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của BBCC.

**4.4 Kinh doanh dịch vụ vận tải và công trình cơ giới**

Nhằm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là khai thác đá xây dựng, trong thời gian qua Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới được đầu tư 81 xe tải ben 15 tấn, xuất xứ Hàn Quốc, Trung Quốc dùng để vận chuyển đá hầm, dời đá thành phẩm, vận chuyển đá xuống sà lan và dời đất đầu để phục vụ sản xuất- kinh doanh cho các đơn vị nội bộ và khách hàng ngoài khi có nhu cầu.

Trong hoạt động sản xuất và vận chuyển đá làm phát sinh bụi khuếch tán ra môi trường, để giải quyết vấn đề này Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới được đầu tư 6 xe xitéc loại 14m<sup>3</sup>-18m<sup>3</sup>/bồn chờ nước tưới đường giảm bụi tại khu vực mỏ.

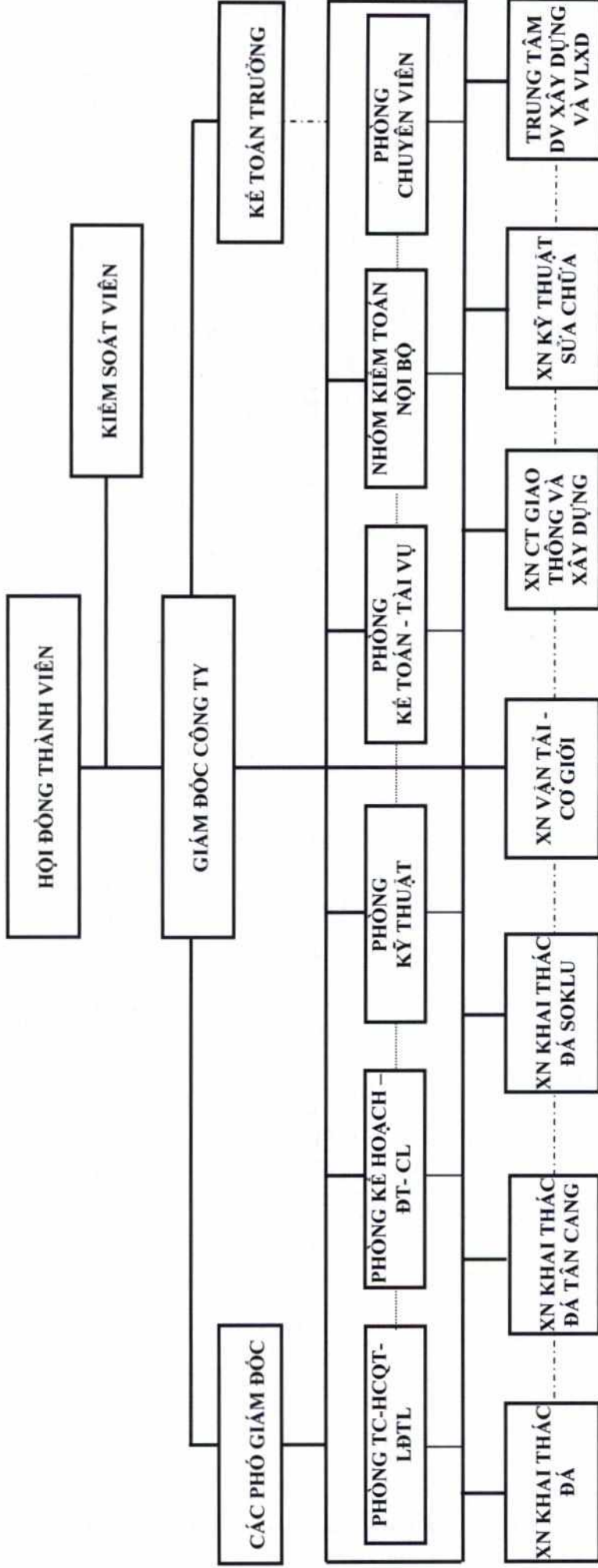
Ngoài ra, Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới được đầu tư nhiều thiết bị cơ giới chuyên dùng như xe ben, xe cuốc, xe lu, xe trải nhựa... để phục vụ sản xuất- kinh doanh cho các đơn vị nội bộ hoặc khách hàng ngoài thuê khi có nhu cầu.

**4.5 Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị (nội bộ)**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đá xây dựng phải qua nhiều công đoạn, mỗi công đoạn cần nhiều loại máy móc thiết bị khác nhau: máy cuốc, máy khoan, xe tải, máy nghiền sàng đá, xe xúc. Đến nay, BBCC đã đầu tư hàng trăm máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành khai thác đá tại các mỏ và trong quá trình sử dụng, khi máy móc thiết bị bị hư hỏng sẽ được đội ngũ cán bộ, kỹ sư của Xí nghiệp Kỹ thuật Sửa chữa thực hiện gia công sửa chữa, bảo dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất của các xí nghiệp trực thuộc Công ty luôn ổn định.

5. Cơ cấu quản lý và tổ chức

Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa



Ghi chú :

- : Hiện thị mối quan hệ quản lý và chỉ đạo.
- : Hiện thị mối quan hệ hướng dẫn nghiệp vụ.
- - - : Hiện thị mối quan hệ phối hợp hoạt động.
- ..... : Hiện thị mối quan hệ hỗ trợ nghiệp vụ.



## 5.1 Người lao động

Tổng số lao động của BBCC là 773 người (tính đến 31/12/2014, trong đó, số lượng lao động tại văn phòng Công ty là 61 người, tại các Xí nghiệp trực thuộc là 712 người) và 02 Viên chức quản lý do Tổng Công ty bổ nhiệm. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

## • Cơ cấu lao động theo độ tuổi

Số TT	Lao động theo độ tuổi	ĐVT	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Dưới 36 tuổi	Người	218	28,20
2	Từ 36 đến 45 tuổi	Người	313	40,49
3	Từ 46 đến 55	Người	212	27,43
4	Trên 55 tuổi	Người	30	3,88
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>773</b>	<b>100</b>

## • Cơ cấu lao động theo trình độ

Số TT	Trình độ	ĐVT	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Đại học trở lên	Người	129	16,69
2	Cao đẳng	Người	14	1,81
3	Trung cấp	Người	38	4,92
4	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	Người	592	76,58
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>773</b>	<b>100</b>

## • Phân bổ lao động tại các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc

TT	Bộ phận	ĐVT	Nam giới	Nữ giới	Tổng số
1	Văn phòng Công ty	Người	45	16	61
2	Xí nghiệp Khai Thác Đá Tân Cang	Người	93	12	105
3	Xí nghiệp Khai Thác Đá - CT1+2	Người	3	-	3
4	Xí nghiệp Khai Thác Đá - CT3	Người	5	-	5
5	Xí nghiệp Khai Thác Đá - CT Thạnh Phú	Người	124	21	145
6	Xí nghiệp Khai Thác Đá - CT4	Người	116	19	135
7	Xí nghiệp Khai Thác Đá - CT Đồi Chùa	Người	3	-	3
8	Xí nghiệp Công trình GT và XD	Người	12	2	14
9	Trung tâm DVXD và VLXD	Người	28	10	38
10	Xí nghiệp Kỹ Thuật Sửa Chữa	Người	58	3	61
11	Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới	Người	101	4	105

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

## 6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa là 658.227.677.949 đồng (Sáu trăm năm mươi tám tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng).

Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Công ty là 417.016.700.975 đồng (Bốn trăm mười bảy tỷ, không trăm mười sáu triệu, bảy trăm ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng) được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Chi tiêu	Đơn vị tính: đồng		
	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
<b>A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	<b>607.767.628.423</b>	<b>658.227.677.949</b>	<b>50.460.049.526</b>
<b>I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn</b>	<b>401.724.610.425</b>	<b>439.227.757.676</b>	<b>37.503.147.251</b>
1. Tài sản cố định	158.518.937.673	200.033.279.856	41.514.342.183
- TSCĐ hữu hình	158.518.937.673	200.033.279.856	41.514.342.183
- TSCĐ là BĐS đầu tư	-	-	-
- TSCĐ vô hình	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.002.939.600	20.002.939.600	-
3. Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
6. Tài sản dài hạn khác	223.202.733.152	219.191.538.220	(4.011.194.932)
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>206.043.017.998</b>	<b>207.208.682.681</b>	<b>1.165.664.683</b>
1. Tiền	72.650.859.420	72.650.859.420	-
- Tiền mặt tồn quỹ	480.109.500	480.109.500	-
- Tiền gửi ngân hàng	72.170.749.920	72.170.749.920	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	16.730.617.287	16.730.617.287	-
- Phải thu khách hàng	13.610.049.411	13.610.049.411	-
- Trả trước cho người bán	2.814.498.064	2.814.498.064	-
- Phải thu nội bộ	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	306.069.812	306.069.812	-
- Các khoản dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
4. Vật tư, hàng hóa tồn kho	112.626.851.308	112.626.851.308	-
5. TSLĐ khác	4.034.689.983	4.034.689.983	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
7. Công cụ dụng cụ phân bổ vào chi phí	-	1.165.664.683	1.165.664.683
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>		<b>11.791.237.592</b>	<b>11.791.237.592</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>			
<b>B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</b>	<b>404.193.178</b>	<b>404.193.178</b>	<b>-</b>
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>404.193.178</b>	<b>404.193.178</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định	404.193.178	404.193.178	-



<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số liệu số sách kế toán</i>	<i>Số liệu xác định lại</i>	<i>Chênh lệch</i>
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí XD CB dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	-	-	-
a. Phải thu khách hàng	-	-	-
b. Trả trước cho người bán	-	-	-
c. Phải thu nội bộ	-	-	-
d. Phải thu khác	-	-	-
e. Tạm ứng	-	-	-
2. Các khoản dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
<b>C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	<b>39.155.373</b>	<b>39.155.373</b>	-
<b>I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn</b>	<b>39.155.373</b>	<b>39.155.373</b>	-
- TSCĐ hữu hình là BĐS	-	-	-
- TSCĐ hữu hình là ĐS	39.155.373	39.155.373	-
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:</b>			-
<b>D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL</b>	<b>272.242.857</b>	<b>272.242.857</b>	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)</b>	<b>608.483.219.831</b>	<b>658.943.269.357</b>	<b>50.460.049.526</b>
<b>Trong đó:</b>			
<b>E. TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>607.767.628.423</b>	<b>658.227.677.949</b>	<b>50.460.049.526</b>
<b>E1. NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ</b>	<b>178.728.466.382</b>	<b>241.210.976.974</b>	<b>62.482.510.592</b>
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
<b>E2. NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP</b>	-	-	-
<b>G. TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN CHỦ SỞ HỮU CỦA DOANH NGHIỆP (G=E-E1)</b>	<b>429.039.162.041</b>	<b>417.016.700.975</b>	<b>(12.022.461.066)</b>

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp BBCC tại thời điểm 31/12/2014 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai lập và Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai

## 7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

## 7.1 Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH một thành viên Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách (*)		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ đang dùng	442.971	158.519	449.921	200.033	6.950	41.514
I	Tài sản cố định hữu hình	442.971	158.519	449.921	200.033	6.950	41.514
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	44.568	24.351	51.210	32.553	6.642	8.202
2	Máy móc thiết bị	333.320	120.315	333.629	143.554	309	23.240
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	61.524	12.306	61.524	22.112	-	9.806
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.443	1.547	3.443	1.791	-	244
5	Tài sản cố định khác	115	-	115	23	-	23
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-
IV	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
V	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	-
B	TSCĐ chờ thanh lý	1.687	39	1.687	39	-	-
C	TSCĐ hình thành từ quỹ KT, quỹ PL	1.245	272	1.245	272	-	-
D	TSCĐ bàn giao	1.691	404	1.691	404	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>447.594</b>	<b>159.235</b>	<b>454.545</b>	<b>200.749</b>	<b>6.950</b>	<b>41.514</b>

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp BBCC tại thời điểm 31/12/2014 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai lập và Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai

(\*): Giá trị sổ sách TSCĐ tại ngày 31/12/2014 sau khi đã xử lý tài chính..

## 7.2 Thực trạng về đất đai đang sử dụng

Đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa, Công ty đang quản lý và sử dụng tổng diện tích đất là 4.002.336,5 m<sup>2</sup>. Tình hình sử dụng đất đai trước cổ phần hóa như sau:

Phân loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ
<b>1. Diện tích đã thuê đất trả tiền thuê hàng năm</b>	1.867.263,8	45,7%
Trong đó:		
- Diện tích Công ty đang quản lý	1.796.411,8	
- Diện tích đã thuê đất nhưng chưa đền bù	49.890	
- Diện tích đã thuê đất bị lấn chiếm	19.750	





BCC

- Diện tích UBND huyện Thống Nhất đã cấp giấy CNQSDĐ chồng lấn lên diện tích thuê đất của Công ty	1.212	
<b>2. Diện tích chưa thuê đất</b>	2.216.204,4	54,3%
- Diện tích Công ty đang quản lý	2.205.924,7	
- Diện tích đang tranh chấp	10.066	
- Diện tích bị lấn chiếm	190	
- Diện tích giảm do mở rộng đường	23,7	
<b>3. Tổng diện tích trên sổ sách</b>	<b>4.083.468,2</b>	
<b>4. Tổng diện tích Công ty đang quản lý</b>	<b>4.002.336,5</b>	

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa*

Theo văn bản số 4817/UBND-CNN ngày 24/6/2015 của UBND Tỉnh Đồng Nai về phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa khi cổ phần hóa, trong đó thống nhất đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2078/STNMT-QH ngày 03/6/2015 đối với phương án sử dụng đất của BBCC cho 19 khu đất hiện nay Công ty đang quản lý với tổng diện tích là 4.002.336,5 m<sup>2</sup>.

Một số nội dung chính của phương án sử dụng đất bao gồm:



BBOCC

STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
<b>I XN KT Đá Tân Cang:</b>										
1	Mỏ đá Tân Cang 1, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa	1.029.045,2	269.012,0	Đến 01/07/2034	760.033,2	1.018.979,2	10.066,0	Khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Tân Cang 1	Thuê đất trả tiền hàng năm 1.029.045,2 m <sup>2</sup> làm khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Tân Cang 1	Diện tích 10.066 m <sup>2</sup> Công ty đang quản lý, hiện đang chờ kết quả xử lý của Tòa án TP Biên Hòa v/v tranh chấp với bà Trịnh Thị Thanh Thúy
2	Văn phòng XN Tân Cang -P. Bửu Hòa, Biên Hòa	12.186,0	12.186,0	Đến 31/12/2015	0,0	12.186,0	0,0	Văn phòng XN Tân Cang, Kho vật tư Công ty.	Tiếp tục thuê đất làm văn phòng XN Tân Cang và kho vật tư Công ty, trả tiền thuê đất hàng năm.	

**II XN CT Giao thông và XD:**



STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
3	XN CT Giao thông - Xây dựng- P. Tân Vạn, Biên Hòa	4.042,6	4.042,6	Đến 01/01/2046	0,0	4.042,6	0,0	VP XN CT Giao thông - Xây dựng	Tiếp tục thuê đất làm VP XN CT Giao thông - Xây dựng, trả tiền thuê đất hàng năm	
<b>III</b>	<b>XN Khai thác Đá:</b>									
4	Các khu đất gần mỏ Tân Bản, p. Bửu Hòa và Tân Vạn (nhận bàn giao từ Bihimex và phần diện tích nằm ngoài mỏ đá Tân Bản 2)	245.261,5	0		245.261,5	245.261,5	0,0		UBND Tỉnh thu hồi đất và giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh	
5	Mỏ đá Thạnh Phú 1- xã Thạnh Phú và Thiện Tân, Vĩnh Cửu	760.684,9	528.438	Đến 31/12/2010	232.246,9	760.684,9	0,0	Khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Thạnh Phú 1	Thuê đất trả tiền hàng năm, gồm : 732.296,1 m <sup>2</sup> làm khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Thạnh Phú 1; 2.605,8 m <sup>2</sup> làm đường dẫn	



BICC

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
6	Bến thủy nội địa Thanh Phú	11.176,0			11.176,0	11.176,0		Bến thủy nội địa	vào mỏ; Đối với diện tích 11.478 m <sup>2</sup> và 14.305 m <sup>2</sup> đã bồi thường : khi được cấp phép mở rộng mỏ đá Thạnh Phú 1 sẽ lập thủ tục đất đai theo qui định. Thuê đất làm bến thủy nội địa, trả tiền thuê đất hàng năm	





BSCC

STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
7	Mỏ đá Thiện Tân 2-xã Thiện Tân, Vĩnh Cừ	727.304,5	357.469,6	Đến 31/12/2022	369.834,9	727.304,5	0,0	Khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Thiện Tân 2	Thuê đất 727.304,5m <sup>2</sup> làm khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Thiện Tân 2, trả tiền thuê đất hàng năm	
8	Đường nội bộ mỏ tránh ĐT768	8.217,0			8.217,0	8.217,0		Đường nội bộ mỏ Thiện Tân 2 tránh ĐT768	Thuê đất 8.217m <sup>2</sup> làm đường nội bộ mỏ tránh ĐT768	
9	Bến thủy nội địa Thiện Tân, xã Thiện Tân, Vĩnh Cừ	12.646,6	10.509,6	Đến 31/12/2022	2.137,0	12.646,6		Bến thủy nội địa	Thuê đất 12.646,6m <sup>2</sup> làm bến thủy nội địa, trả tiền thuê đất hàng năm	
10	Mỏ đá Đồi Chùa 1, xã Thiện Tân, Vĩnh Cừ	369.179,0			369.179,0	369.179,0		Mỏ đá xây dựng -đã ngừng khai thác	Xin chuyển nhượng mỏ	



BCC

STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
<b>IV Trung tâm VLXD:</b>										
11	Văn phòng Trung tâm ở P. Trảng Dài	2.884,6	2.863,5	Đến 01/01/2053	21,1	2.860,9	Cửa hàng VLXD	Trả đất cho Nhà nước		Do 21,1 m <sup>2</sup> là diện tích lộ giới nên không thuê đất. Diện tích đo vẽ mới <b>giảm 23,7 m<sup>2</sup></b> do việc mở rộng đường Nguyễn Ái Quốc
12	Trung tâm VLXD-P. Quang Vinh, Biên Hòa	1.114,2	1.114,2	Đến 22/12/2047	0,0	1.114,2	Văn phòng và cửa hàng VLXD	Tiếp tục thuê đất làm Văn phòng và cửa hàng VLXD, trả tiền thuê đất hàng năm		
13	Bãi 3- xã Tân Hạnh, Biên Hòa	3.151,8	3.151,8	Đến 18/7/2047	0,0	3.151,8	Bến thủy nội địa	Tiếp tục thuê đất làm bến thủy nội địa bốc dỡ, kinh doanh VLXD,		





STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
									trả tiền thuê đất hàng năm	
14	Bãi cát xã Tân Hạnh (nhận bàn giao từ Cty Lâm Sản Cần Thơ năm 1996)	1.400,0			1.400,0	1.210,0	190,0	Bến thủy nội địa	Thuê đất 1.210m <sup>2</sup> làm bến thủy nội địa bốc dỡ, kinh doanh VLXD, trả tiền thuê đất hàng năm. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan đề xuất xử lý phần diện tích bị lấn chiếm 190 m <sup>2</sup> .	Tại thời điểm nhận bàn giao từ Công ty Lâm Sản Cần Thơ, trên khu đất này có phần diện tích 190 m <sup>2</sup> nhà ở của bà Lê Thị Chi Lan, đến nay vẫn chưa chịu di dời dù các ban ngành của TP đã nhiều lần làm việc



BCC

STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
15	Bãi Phù Sa- xã Tân Hạnh, Biên Hòa	7.040,7	7.040,7	Đến ngày 31/12/2020	0,0	7.040,7		Bến thủy nội địa	Tiếp tục thuê đất làm bến thủy nội địa bốc dỡ, kinh doanh VLXD , trả tiền thuê đất hàng năm	
<b>V XN Khai thác Đá Soklu:</b>										
16	Mỏ đá Soklu 2 - xã Quang Trung và Gia Kiệm, huyện Thống Nhất	326.184,2	212.665,4	Đến 04/6/2017	113.518,8	326.184,2	0,0	Khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Soklu 2	Thuê đất 326.184,2m <sup>2</sup> làm khu khai thác và công trình phụ trợ mỏ Soklu 2, trả tiền thuê đất hàng năm	





BAGC

STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
17	Mỏ đá Soklu 5- xã Quang Trung, h. Thống Nhất	454.700,0	453.422,0	Đến 31/12/2016	1.278,0	383.848,0	70.852,0	Khu khai thác và công trình phụ trợ của mỏ Soklu 5	Trả lại Nhà nước 195.129 m <sup>2</sup> ; tiếp tục thuê đất 259.571 m <sup>2</sup> để làm khu khai thác và công trình phụ trợ của mỏ Soklu 5, trả tiền thuê đất hàng năm	
18	Diện tích mở rộng mỏ Soklu 5	101.180,0			101.180,0	101.180,0		Khu khai thác mở rộng mỏ Soklu 5	Thuê đất làm khu khai thác mở rộng mỏ Soklu 5, trả tiền thuê đất hàng năm	
VI	<b>Văn phòng Công ty:</b>									
19	Văn phòng Công ty - P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa	6.069,4	5.348,4	Đến 01/01/2046	721,0	6.069,4	0,0		Tiếp tục thuê đất 5.348,4m <sup>2</sup> làm Văn phòng Công ty, trả tiền thuê đất	Do 721 m <sup>2</sup> năm trong quy hoạch mở rộng đường nên



STT	Địa chỉ đất	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Thuê đất trả tiền hàng năm		DT chưa thuê đất (m <sup>2</sup> )	Tình hình sử dụng đất		Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê đất		Diện tích Công ty đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Diện tích đang bị lấn chiếm/ tranh chấp/chưa đền bù (m <sup>2</sup> )			
									hàng năm	không được cấp giấy CNQSDĐ và thuê đất
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.083.468,2</b>	<b>1.867.263,8</b>		<b>2.216.204,4</b>	<b>4.002.336,5</b>	<b>81.108,0</b>			

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa



**8. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của tổ chức phát hành****8.1 Công ty mẹ của tổ chức phát hành:**

Tên tổ chức: Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21, đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu tại Công ty: 100%

**8.2 Danh sách Công ty con của tổ chức phát hành: Không có.****8.3 Danh sách Công ty liên kết của tổ chức phát hành:****- Công ty cổ phần Phát triển đô thị Tam Phước**

Địa chỉ: số 23 ( khu C ) đường 3, Khu công nghiệp Biên Hoà 2, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà, khu vui chơi giải trí, hạ tầng khu dân cư, khu đô thị. Cho thuê nhà, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bãi đỗ xe. Mua bán đất, đá, sỏi, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Xử lý, cung cấp nước sạch và xử lý nước thải.

Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 5% vốn điều lệ.

**9. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa****9.1 Tình hình hoạt động kinh doanh****a. Doanh thu và thị trường đầu ra**

Cơ cấu doanh thu của BBCC trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm có sự dịch chuyển và biến động về tỷ trọng, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Ước thực hiện Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1. Doanh thu thuần	570.019	97,83	522.826	97,78	843.151	96,30	852.281	100
- Sản phẩm đá xây dựng	439.024	77,02	407.081	77,86	656.079	77,81	654.461	76,79
- Kinh doanh VLXD	93.778	16,45	89.771	17,17	130.722	15,50	126.239	14,81
- Các hoạt động khác	37.217	6,53	25.974	4,97	56.350	6,69	71.581	8,4
2. Doanh thu hoạt động tài chính	794	0,14	2.447	0,46	955	0,11		
3. Doanh thu khác	11.874	2,03	9.443	1,76	31.422	3,59		
<b>Tổng cộng</b>	<b>582.687</b>	<b>100</b>	<b>534.716</b>	<b>100</b>	<b>875.528</b>	<b>100</b>	<b>852.281</b>	<b>100</b>



Nguồn: BCTC Công ty sau kiểm toán độc lập năm 2012, 2013, 2014 và ước thực hiện năm 2015

- **Doanh thu sản phẩm đá xây dựng:**

Doanh thu đá xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của BBCC. Do sự tác động của suy thoái kinh tế trong nước, chính sách cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, sự cạnh tranh trong thị trường đá xây dựng gia tăng trong những năm gần đây, đã làm cho doanh thu của BBCC chịu ảnh hưởng và giảm trong năm 2013 so với năm 2012. Tuy nhiên, đến cuối năm 2013 chuyển sang năm 2014 tình hình đầu tư công đã mở lại, các công trình đường giao thông lần lượt khởi động thi công đã làm tình hình tiêu thụ năm 2014 của công ty tăng cao.

- **Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng:**

Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng chủ yếu cung cấp các sản phẩm như đất, cát, đá, các loại vật liệu khác dùng trong xây dựng... cho các công trình xây dựng trong tỉnh Đồng Nai, bốc dỡ các sản phẩm vật liệu xây dựng. Doanh thu cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng này đã ghi nhận năm 2013 giảm so với năm 2012 và năm 2014 tăng so với các năm trước, do sản lượng các sản phẩm như đất, cát, đá, các loại vật liệu khác dùng trong xây dựng... tiêu thụ tăng cao.

- **Doanh thu các hoạt động khác:**

Doanh thu bán hàng bao gồm hoạt động kinh doanh: vận chuyển đất, cát, đá và cho thuê xe cơ giới trong nội bộ công ty; thi công các công trình giao thông và xây dựng trong nội bộ và bên ngoài. Do vậy, mảng doanh thu bán hàng của hoạt động này năm 2012 và 2013 cũng chịu tác động của diễn biến chung tình hình kinh tế và chính sách cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, sự cạnh tranh trong thị trường đá xây dựng gia tăng trong những năm gần đây. Tuy nhiên, năm 2014 khi tình hình chung toàn công ty khởi sắc thì doanh thu bán hàng của hoạt động này cũng tăng theo.

- **Thị trường đầu ra:**

Các dự án phát triển cơ sở hạ tầng là các dự án được Nhà nước đặt ưu tiên lên hàng đầu, tập trung được nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chính của Công ty rộng khắp các tỉnh thành như: các tỉnh miền Tây, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Địa bàn hoạt động của Công ty ngày càng mở rộng. Tuy nhiên, tính cạnh tranh lại tăng lên do ngày càng nhiều các đơn vị khác tham gia vào lĩnh vực khai thác đá xây dựng nên việc giữ được thị phần là vấn đề tiên quyết của Công ty.

Các đối thủ cạnh tranh lớn với BBCC bao gồm cả các đơn vị trong và ngoài Tỉnh như: Công ty cổ phần Hóa An, Công ty TNHH sản xuất vật liệu và xây dựng Vĩnh Hải, HTX Bình Thạch, Công ty cổ phần Công trình giao thông 610, Công ty cổ phần đá Hoa Tân An, Công ty cổ phần đá Núi nhỏ, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Dương, Công ty cổ phần VLXD Bình Dương và các mỏ đá khu vực Thường Tân- Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên- tỉnh Bình Dương...



**b. Chi phí sản xuất**

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Ước thực hiện Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1. Giá vốn hàng bán	524.019	90,60	452.181	87,05	701.756	92,34	700.000	91,84
- Sản phẩm đá xây dựng	406.102	77,50	347.597	76,87	532.475	75,88	545.000	77,86
- Kinh doanh VLXD	87.038	16,61	81.935	18,12	118.608	16,90	100.000	14,29
- Các sản phẩm khác	30.879	5,89	22.649	5,01	50.673	7,22	55.000	7,85
2. Chi phí tài chính	24.570	4,25	12.151	2,34	3.293	0,43		
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.977	3,45	41.813	8,05	35.270	4,64	40.232	5,28
4. Chi phí khác + Chi phí bán hàng	9.793	1,70	13.315	2,56	19.643	2,59	22.000	2,88
<b>Tổng cộng</b>	<b>578.359</b>	<b>100</b>	<b>519.460</b>	<b>100</b>	<b>759.962</b>	<b>100</b>	<b>762.232</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC Công ty sau kiểm toán độc lập năm 2012, 2013, 2014 và ước thực hiện năm 2015

- Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán biến động tương ứng với sự tăng giảm của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm.

Giá vốn của sản phẩm đá xây dựng: chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu giá vốn. Giá vốn của sản phẩm đá xây dựng bao gồm chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu, vật tư, tiền lương, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, chi phí thuê ngoài và các chi phí liên quan khác.

Giá vốn của kinh doanh vật liệu xây dựng: bao gồm giá vốn các loại hàng hóa vật liệu xây dựng mua vào bán ra như: xi măng, gạch, sắt, đất, cát, đá... và các chi phí khác.

Giá vốn của các sản phẩm khác: chi phí chủ yếu của hàng bán bao gồm: chi phí dầu, nhớt, vò, ruột, vật tư xe tải..., của Xí nghiệp vận tải cơ giới và chi phí vật liệu xây dựng công trình và giao thông như: xi măng, sắt, thép, bê tông nhựa nóng... tiền nhân công, ca máy của Xí nghiệp Công Trình Giao Thông và Xây Dựng.

- Chi phí tài chính:**

Chi phí tài chính của BBCC chủ yếu bao gồm các khoản lãi vay của ngân hàng và của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai qua các năm 2012, 2013. Chi phí lãi vay ngắn hạn và dài hạn năm 2014 giảm so với năm 2012, 2013 do Công ty đã kinh doanh tương đối tốt, sắp xếp hiệu quả các nguồn vốn để giảm bớt nợ vay.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2013 và 2014 ghi nhận tăng so với năm 2012



do kinh doanh có hiệu quả nên tiền lương của bộ phận quản lý và của Xí nghiệp Kỹ Thuật Sửa Chữa tăng theo.

### c. Nguyên vật liệu

Nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất đá rất lớn về số lượng và đa dạng chủng loại, bao gồm:

- Nhiên liệu: sử dụng dầu DO, nhớt, mỡ bôi cho xe tải vận chuyển và các thiết bị chuyên ngành khai khoáng được hợp đồng các đơn vị trong tỉnh cung cấp.
- Vật liệu nổ: thuốc nổ, kíp nổ, mìn nổ... dùng để nạp thuốc khoan đá do các đơn vị chuyên ngành cung cấp: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam bộ (MICCO) và Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng (GAET).
- Năng lượng: điện năng sử dụng để vận hành máy nghiền sàng đá, máy bơm nước, băng chuyền đá xuống sà lan... do Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai cung cấp.
- Các loại vật tư, phụ tùng của máy nghiền sàng như: hàm nghiền, lưới sàng, băng tải, motor, ống thủy lực, tole thép các loại... và một số vật tư khác được mua từ các công ty sản xuất trong nước. Tuy nhiên, có một số loại vật tư đặc chủng phải mua từ nước ngoài thông qua các công ty trong nước như: cần khoan, mũi khoan, phụ tùng máy móc thiết bị xe xúc, máy khoan, máy đào, xe tải... từ các hãng nổi tiếng trên thế giới: Volvo (Thụy Điển), Tamrock (Phần Lan), Caterpillar (Mỹ), Furukawa (Nhật bản), Kobelco (Nhật Bản) và Howo, Dongfeng (Trung Quốc)... Giá cả hàng nhập khẩu ngoài ảnh hưởng của thị trường còn chịu sự biến động của tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Nguyên vật liệu phục vụ cho ngành giao thông và xây dựng, bao gồm: bê tông nhựa nóng, xi măng, sắt thép, đá, cát xây dựng,...do các công ty trong nước sản xuất hoặc đơn vị nội bộ cung cấp.
- Nhựa đường, vật liệu chống thấm: nhập từ nước ngoài thông qua các công ty trong nước.

Các loại nhiên liệu, năng lượng như xăng, dầu, điện ... và thuốc nổ này là những đầu vào rất quan trọng đối với ngành khai thác, chế biến đá xây dựng. Do đó, khi tình hình kinh tế thế giới và trong nước suy thoái, lạm phát giá cả vật tư, nguyên vật liệu (xăng dầu, vật liệu nổ...), thiết bị và máy móc tăng cao và biến động đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành khai thác đá nói chung và của Công ty nói riêng. Mặt khác, các loại nhiên liệu, điện, vật liệu nổ thường được phân phối bởi một số ít nhà cung cấp mang tính độc quyền cao, nên khả năng đàm phán về giá là khó, đây cũng là áp lực rất lớn về đầu vào đối với ngành khai thác, chế biến đá xây dựng.

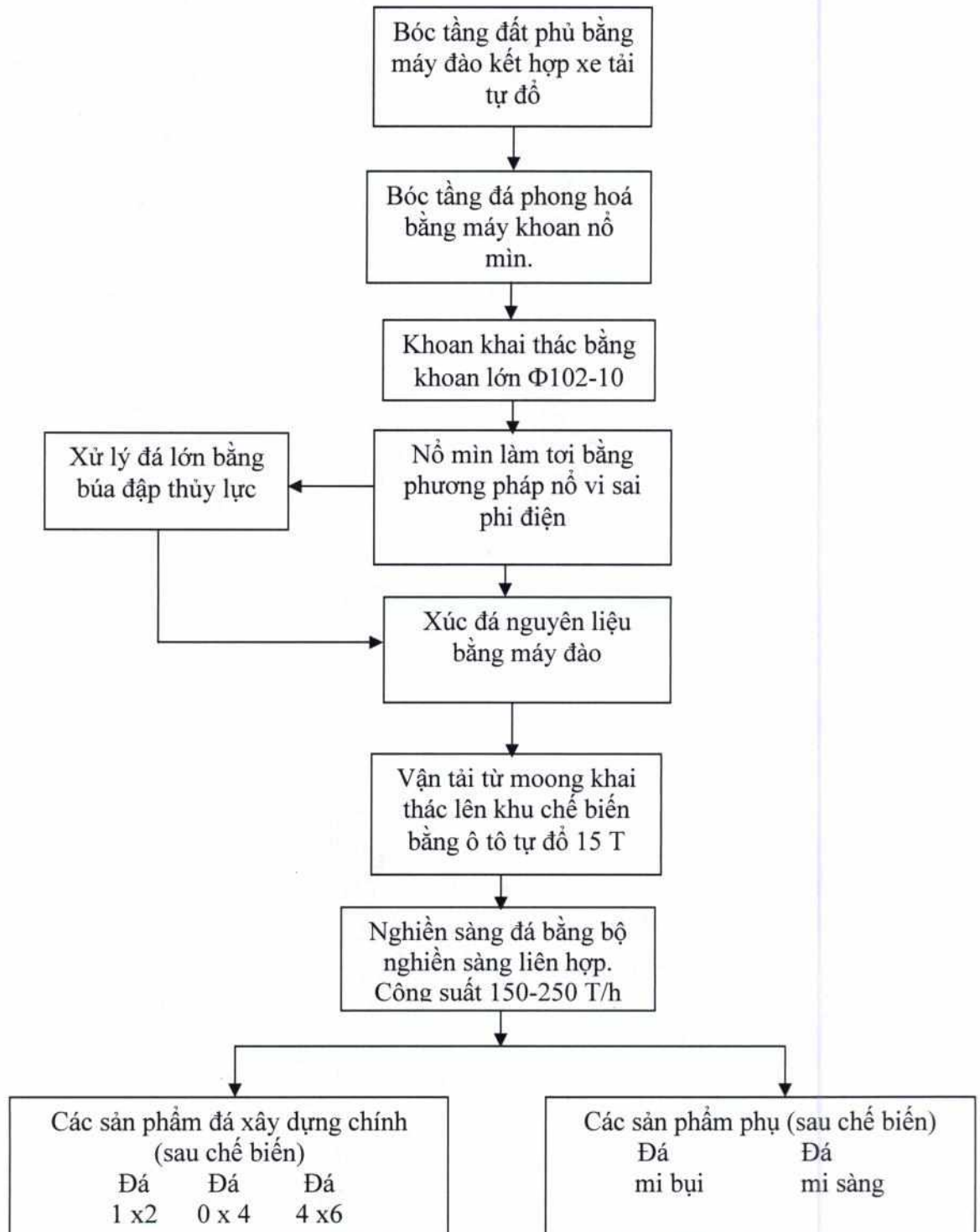


**d. Trình độ công nghệ**

Công ty đã áp dụng giải pháp công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, thân thiện với môi trường, cụ thể:

- Quá trình khai thác đá bằng công nghệ hiện đại với các thiết bị như khoan thủy lực có công suất khoan cao 1m/phút, có bộ phận tích bụi, giảm thiểu phát tán bụi ra môi trường xung quanh.
- Công ty áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện đã giảm thiểu được chấn động và đá văng. Ngoài ra, để phá đá quá cỡ, Công ty không nổ mìn phá đá mà sử dụng các máy đập đục, hạn chế được chấn động rung do nổ mìn phá đá quá cỡ. Việc áp dụng công nghệ nổ mìn mới nhanh chóng giảm thiểu tác động do nổ mìn, đặc biệt tác động của rung mặt đất, va đập không khí và tiếng nổ, đá văng khỏi khai trường. Hiện nay, trong nổ mìn khai thác đá đã áp dụng công nghệ mới như dùng thuốc nổ nhũ tương, anfo, phụ kiện nổ là kíp visai nhiều số phi điện thay cho kíp nổ tức thời, đồng thời thiết kế bãi mìn hợp lý. Tiết kiệm thuốc nổ, năng suất cao, hệ số thu hồi đá cao, đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường, áp dụng phương pháp khai thác âm để tận thu nguồn nguyên liệu, bảo vệ môi trường tốt.
- Tất cả các quy trình khai thác và vận chuyển vật liệu đều sử dụng thiết bị cơ giới. Sử dụng hệ thống đèn báo tự động điều phối vật liệu từ khu vực trạm cân nguyên liệu lên các máy nghiền, hỗ trợ cho công tác thống kê nhanh chóng, chính xác và tiết giảm lao động nghiêm thu.
- Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất được trang bị đồng bộ, hiện đại như: máy cuốn, máy khoan, máy xúc, máy ủi,... đặc biệt là hệ thống nghiền sàng công suất lớn, sản xuất nhiều loại sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng. Bụi đá phát sinh khi vận hành máy nghiền sàng đá được xử lý bằng cách phun sương nước áp lực cao tại từng máy nghiền để giảm lượng phát tán ra môi trường xung quanh. Đường vận chuyển vật liệu trong khu vực khai thác, chế biến và đường nội bộ được Công ty bố trí các xe bồn nước để tưới nước chống bụi phát tán ra môi trường.
- Thành phẩm vận chuyển ra bến thủy nội địa và được giao bằng hệ thống băng tải công suất lớn, xuống hàng nhanh với chi phí thấp.
- Ngoài ra Công ty còn trồng nhiều cây xanh xung quanh các mỏ và khu chế biến để giảm bụi phát tán ra ngoài khu vực khai thác và tạo cảnh quang xanh, sạch, đẹp, đảm bảo tưới nước thường xuyên các tuyến đường giao thông các mỏ và các xe vận chuyển đá ra khỏi khu vực mỏ được che bạt phủ kín.

**Sơ đồ công nghệ khai thác, chế biến đá**



Nguồn: BBCC

**e. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Ngoài thế mạnh về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đá xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng, phụ tùng cơ giới và thi công công trình giao thông và xây dựng, trong thời gian tới BBCC tiếp tục nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng khác như: cát nhân tạo từ đá, gạch không nung (gạch nhẹ), sỏi nhẹ keramzit phục vụ nhu cầu thị trường. Đồng thời, BBCC dự kiến sẽ mở thêm một số loại hình dịch vụ sửa chữa, bảo



dưỡng xe máy, thiết bị vận chuyển, xe cơ giới chuyên dùng cho khách hàng bên ngoài không chỉ tạo thêm công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động mà còn sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề và kinh nghiệm hiện có của BBCC.

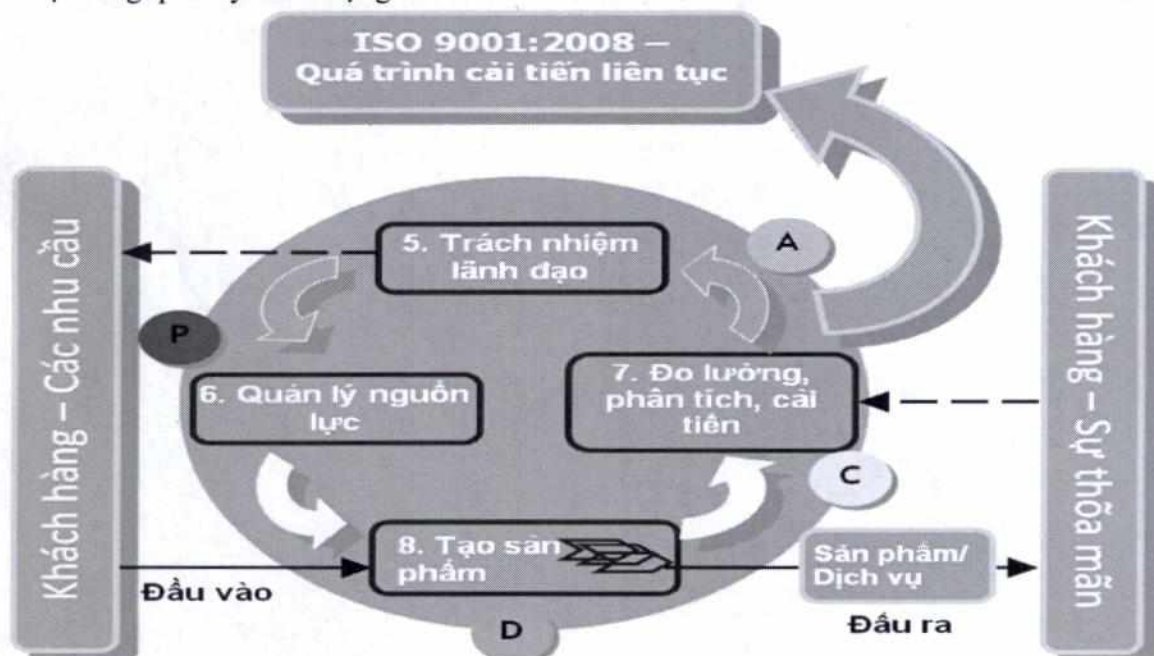
**f. Tình hình kiểm tra chất lượng**

BBCC đang áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng.

**Nội dung của tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (có 8 điều khoản)**

- Điều khoản 0: Giới thiệu
- Điều khoản 1: Phạm vi áp dụng
- Điều khoản 2: Tài liệu viện dẫn
- Điều khoản 3: Thuật ngữ và định nghĩa
- Điều khoản 4: Yêu cầu chung đối với hệ thống quản lý chất lượng
- Điều khoản 5: Trách nhiệm lãnh đạo
- Điều khoản 6: Quản lý nguồn lực
- Điều khoản 7: Tạo sản phẩm
- Điều khoản 8: Đo lường, phân tích, cải tiến.

Hệ thống quản lý chất lượng của BBCC như sau:



Nguồn: BBCC

Ghi chú:

- > Hoạt động gia tăng giá trị
- - - - -> Dòng thông tin

Nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao để tạo lợi thế cạnh tranh, BBCC đã liên tục cải tiến hệ thống quản lý nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng với mục tiêu phát triển bền vững.

#### g. Hoạt động Marketing

Hoạt động marketing là quá trình tìm hiểu thị trường nhằm thỏa mãn nhu cầu và mong muốn của người tiêu dùng. Trong thời gian qua, BBCC có một số hoạt động cụ thể như sau:

- Hàng năm, BBCC tổ chức họp mặt khách hàng truyền thống với mục đích gặp gỡ, giao lưu, trao đổi, góp ý và cùng nhau tháo gỡ những vướng mắc trong suốt quá trình hợp tác kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty và khách hàng hiểu và thông cảm nhau hơn để tăng cường hợp tác kinh doanh tích cực và hiệu quả hơn.
- Bên cạnh đó, BBCC cũng thường xuyên gặp gỡ trực tiếp tại cơ sở kinh doanh của khách hàng, đặc biệt tại các tỉnh miền Tây Nam bộ nhằm duy trì mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp và giúp BBCC đưa ra chính sách kinh doanh hợp lý cho từng khách hàng cụ thể.
- Ngoài ra, BBCC cũng hết sức chú trọng tìm kiếm khách hàng mới thông qua hình thức quảng cáo trên báo, đài và các cuộc hội chợ, triển lãm chuyên ngành vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại với các đối tác, khách hàng gần xa.
- Hơn nữa, với uy tín lâu năm và đã khẳng định được thương hiệu qua việc cung cấp đá cho nhiều công trình trọng điểm quốc gia, BBCC thường xuyên duy trì mối quan hệ tốt với các chủ đầu tư, nhà thầu thi công, đầu mỗi trung gian để nắm bắt sát sao nhu cầu về chủng loại, chất lượng, cũng như khối lượng sản phẩm để BBCC có kế hoạch sản xuất hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng..

#### h. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, Công ty đã đăng ký nhân hiệu thương mại với tên gọi và biểu tượng tại Cục Sở hữu trí tuệ trên lãnh thổ Việt Nam:

Giấy chứng nhận đăng ký nhân hiệu thương mại trong nước:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký Nhân hiệu hàng hóa</i>	<i>Quyết định</i>	<i>Ngày cấp</i>
	3530/QĐNH	29/11/1999
32 727	7663/QĐ-SHTT	26/6/2007
	6500/QĐ-SHTT	09/4/2008

*Nguồn: BBCC*



Biểu tượng thương hiệu Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Và Sản Xuất VLXD Biên Hòa:



**BBCC**

Biểu tượng của công ty được thiết kế với chủ đề liên quan đến các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của BBCC: ngành khai thác vật liệu xây dựng, ngành xây dựng và giao thông với tông màu chủ đạo là màu xanh, tạo cảm nhận sự tin tưởng, gây cảm giác thanh bình, dễ mến. Tổng thể góc hình vuông màu xanh đặt trên logo BBCC nền màu đỏ tạo thế cân đối, hài hòa và gây ấn tượng với khách hàng. Hình tròn nằm bên trong hình vuông tượng trưng cho sự trọn vẹn, sự gắn kết khép kín, hài hòa, hợp lý giữa các ngành kinh doanh, trong đó các ngành giao thông, xây dựng được xây dựng và phát triển dựa trên nền tảng là ngành khai thác vật liệu xây dựng của BBCC.

#### i. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

Danh mục các hợp đồng lớn thực hiện trong năm 2014

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<i>Tên khách hàng</i>	<i>Hợp đồng số</i>	<i>Ngày ký hợp đồng</i>	<i>Loại sản phẩm/ Khối lượng</i>	<i>Giá trị hợp đồng (triệu đồng)</i>
DNTN Sáu Muồn	15	25/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 336.980 m <sup>3</sup>	36.491
Công ty TNHH Hiếu Thảo Thuận	09	25/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 274.240 m <sup>3</sup>	33.957
DNTN Châu Pha	14	25/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 274.240 m <sup>3</sup>	19.929
Công ty CP XD Phú Thành	01	10/12/2013	Đá 0x4, 1x2BT, 4x6A: 80.377 m <sup>3</sup>	13.925
Công ty TNHH Hồng Hà	18	25/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 87.610 m <sup>3</sup>	12.857
Công ty TNHH MTV Thiện Khiêm	12	25/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 107.855 m <sup>3</sup>	11.987
DNTN Minh Sáu Muồn	32	30/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 93.316 m <sup>3</sup>	10.846
Công ty CP ĐT và PT Cường Thuận IDICO	17	25/12/2013	Đá 0-25A, 0x4, 1x2, MB, MS: 94.626 m <sup>3</sup>	10.841
DNTN Phương Mười Re	11	25/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 60.647 m <sup>3</sup>	7.938

Tên khách hàng	Hợp đồng số	Ngày ký hợp đồng	Loại sản phẩm/ Khối lượng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
Công ty TNHH DVTM SXD Đông Mê Kông	02	10/12/2013	Đá 0x4, 1x2, 5x7, MB, MS: 40.255 m <sup>3</sup>	4.816
DNTN Hoàng Bảo Long	44	02/01/2014	Đá 0x4, 1x2, MB, MS: 61.765 m <sup>3</sup>	13.735
Công ty CP Đầu tư và Thương mại 319	45	02/01/2014	Đá 0x4, 1x2, MB, MS: 46.765 m <sup>3</sup>	8.690
Công ty TNHH TM-Vận tải Trần Việt	53	02/01/2014	Đá 1x2QC, MB: 29.412 m <sup>3</sup>	5.541
Công ty CP ĐTXD GT Đức Tân	54	02/01/2014	Đá 1x2, MB, MS: 40.000 m <sup>3</sup>	6.157
Công ty TNHH XDGT Bình An	55	02/01/2014	Đá 1x2QC, MS: 18.323 m <sup>3</sup>	3.832
Công ty CPĐT và XD Nhơn Thành	56	02/01/2014	Đá 0x4, 4x6, 1x2, MB, MS: 33.529 m <sup>3</sup>	4.705
Công ty TNHH MTV Thống Nhất	57a	02/01/2014	Đá 0x4, 1x2, MB, MS: 44.706 m <sup>3</sup>	4.298
Công ty TNHH Tuấn Anh	58	02/01/2014	Đá 1x2, 4x6, MS: 23.529 m <sup>3</sup>	4.835
Công ty CP Hoàng Hải	61	06/02/2014	Đá 0x4, MB: 34.941 m <sup>3</sup>	3.071
Công ty CP Xây dựng 18	73	25/03/2014	Đá 0x4, 1x2, MB: 43.824 m <sup>3</sup>	6.995
Công ty TNHH Xây lắp Vĩnh Trinh	78	08/04/2014	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 25.294 m <sup>3</sup>	3.106
Công ty TNHH ĐTXD Vạn Tín	80	12/04/2014	Đá 0x4, 1x2, 4x6, MB, MS: 46.176 m <sup>3</sup>	9.117
Công ty TNHH XD TM Khải Thành	82	16/04/2014	Đá 0x4, 1x2, 4x6: 47.206 m <sup>3</sup>	5.577
Công ty TNHH Hồng Hà	87	20/05/2014	Đá 1x2QC: 40.000 m <sup>3</sup>	8.457
Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9	89	02/06/2014	Đá Dmax37,5; Dmax 25: 117.647 m <sup>3</sup>	18.964
Công ty TNHH Kim Long	91a	01/07/2014	Đá 1x2QC: 12.903 m <sup>3</sup>	2.728
Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh	99	22/8/2014	Đá 1x2, MB, MS: 54.118 m <sup>3</sup>	9.374
HTX DV NN và XD Long Hưng	100	20/8/2014	Đá 0x4, MB: 45.882 m <sup>3</sup>	4.515
Công ty TNHH SX XD TM và DV Trung tâm	103	12/9/2014	Đá 1x2, MB: 14.206 m <sup>3</sup>	2.104
Công ty CP Hải Đăng	114	20/10/2014	Đá 1x2, MS, MB: 23.529 m <sup>3</sup>	3.020
Công ty TNHH XD Nam Việt	122	27/11/2014	Đá 0x4, 0x25: 17.647 m <sup>3</sup>	2.551
Công ty CP Bê tông Ngoại Thương	124	05/12/2014	Đá 1x2: 19.355 m <sup>3</sup>	3.927

Nguồn: BBCC



## 9.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Ước thực hiện 2015</i>
1. Tổng giá trị tài sản	692.848	627.843	608.483	627.500
2. Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	365.346	367.910	381.955	432.707
3. Nợ ngắn hạn	215.269	177.139	164.001	165.000
4. Nợ dài hạn	28.046	3.296	15.000	
5. Tổng số lao động (người)	960	782	773	773
6. Tổng quỹ lương	50.819	67.347	107.733	96.805
7. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	4,5	7,2	11,6	10,4
8. Tổng doanh thu	582.687	534.716	875.528	852.281
9. Giá vốn hàng bán	524.019	452.181	701.756	700.000
10. Tổng chi phí gián tiếp khác	54.340	67.279	58.206	62.232
11. Lợi nhuận sau thuế	2.609	11.439	90.074	70.238
12. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước	0,71%	3,11%	23,58%	16,23%
13. Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	54,13%	40,33%	41,68%	37,44%

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa*

## 9.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty

- **Thuận lợi:**

- Công ty là doanh nghiệp chuyên ngành khai thác, chế biến đá xây dựng, đứng vị trí hàng đầu trong tỉnh Đồng Nai. Với đội ngũ cán bộ- công nhân viên được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề và sự chuyên nghiệp cao, nhiều năm kinh nghiệm và am hiểu hoạt động của Công ty, luôn đoàn kết, gắn bó, tâm huyết với mục tiêu xây dựng Công ty ngày càng phát triển mở rộng.
- Công ty có bề dày năng lực khai thác và chế biến đá xây dựng gần 30 năm, tên tuổi của công ty gắn liền với hàng trăm công trình xây dựng ở các tỉnh miền Tây, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam bộ. Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã xây dựng, phát triển thương hiệu và uy tín trên thị trường, được các chủ đầu tư, các nhà thầu trong nước và ngoài nước tin nhiệm. Chất lượng sản phẩm đã được khẳng định qua các công trình lớn, trọng điểm quốc gia mà Công ty đã cung cấp đá xây dựng trong suốt thời gian qua.

- Công ty đã đầu tư máy móc thiết bị đồng bộ, hiện đại.
  - Về nguồn lực tài nguyên khoáng sản: Công ty hiện đang quản lý khai thác 6 mỏ đá xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm mỏ Tân Cang 1 (TP Biên Hòa), mỏ Thạnh Phú 1, mỏ Thiện Tân 2, Đồi Chùa 1 (huyện Vĩnh Cửu), mỏ Soklu 2 và Soklu 5 (huyện Thống Nhất). Tổng diện tích đã được cấp phép khai thác là 394,3 ha. Tổng diện tích đã bồi thường, giải phóng mặt bằng trong khu vực mỏ và phụ trợ là 3.687.359,8 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích thuộc khu vực được phép khai thác là 3.006.323 m<sup>2</sup>. Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng trữ lượng sau khi điều chỉnh còn lại khoảng 163 triệu m<sup>3</sup> đá nguyên khối tương đương 218 triệu m<sup>3</sup> đá sản phẩm các loại. Đây là nguồn tài nguyên rất lớn đảm bảo cho Công ty ổn định lâu dài.
  - Các Bể thùy nội địa Thiện Tân, Thạnh Phú và Phù Sa có vị trí hết sức thuận lợi, sử dụng lâu dài, phù hợp quy hoạch phát triển của tỉnh Đồng Nai.
  - Có khả năng tài chính mạnh.
- **Khó khăn:**
    - Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong cùng ngành nghề.
    - Cắt giảm đầu tư công và sự đóng băng của thị trường bất động sản khiến cho một số dự án chưa triển khai được theo kế hoạch trong khi các nguồn lực đã được huy động và đầu tư một phần vào dự án.
    - Vùng khai thác đá nguyên liệu có chất lượng tốt đã khai thác hết. Để duy trì hoạt động các đơn vị khai thác đá phải tìm nguồn đá khác thay thế có nhiều rủi ro: chất lượng đá nguyên liệu không đồng đều, lớp đất tầng phủ dày làm chi phí sản xuất tăng và hiệu quả kinh doanh giảm.
    - Quy định về tiền cấp quyền khai thác và các hướng dẫn liên quan đã gây ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm của Công ty.
    - Một số máy móc thiết bị đã được Công ty đầu tư đưa vào sử dụng trước đây, cần phải đầu tư nâng cấp để sử dụng phù hợp trong thời gian tới.
    - Chính sách vĩ mô của Nhà nước thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
    - Vốn chủ sở hữu đang sử dụng phần lớn cho đầu tư tài sản dài hạn và chỉ đáp ứng một phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, nhu cầu vốn để đầu tư các dự án khác trong tương lai đối với công ty là hết sức cần thiết.

## 10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 10.1 Vị thế của Công ty

BBCC có truyền thống và kinh nghiệm gần 30 năm trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng trong nước. BBCC có đội ngũ nhân sự có truyền thống đoàn kết tốt,



giàu kinh nghiệm, cùng làm việc và gắn bó nhiều năm trong Công ty.

Hệ thống quy chế về quản lý sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc được xây dựng khá đầy đủ và luôn được cải tiến để hoàn thiện.

Với thế mạnh và kinh nghiệm lâu năm trong ngành khai thác, chế biến đá xây dựng, bên cạnh việc tiếp tục phát huy lĩnh vực kinh doanh truyền thống, Công ty đã và đang đẩy mạnh ngành nghề kinh doanh chính của mình để trực tiếp hoặc tham gia cung cấp sản phẩm đá xây dựng phục vụ cho nhu cầu đầu tư xây dựng ngày càng lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây, Miền Đông Nam Bộ ...

Hơn nữa, đá xây dựng của BBCC từ lâu đã trở thành biểu tượng sản phẩm đá có chất lượng tốt trên thị trường vật liệu xây dựng, sản phẩm đá 5-20 tại 05 mỏ đá của Công ty đã được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 3 chứng nhận phù hợp Quy chuẩn QCVN 16:2014/BXD và dùng được cho bê tông mác cao hơn B30 (Giấy chứng nhận số 45-15 cấp ngày 15/6/2015), năng lực sản xuất lớn và hệ thống quản lý chất lượng được duy trì và liên tục cải tiến phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nên luôn được nhiều chủ đầu tư công trình biết đến và ưu tiên lựa chọn, đặc biệt là các công trình trọng điểm quốc gia.

Các công trình tiêu biểu do BBCC đã cung cấp đá như: Quốc lộ 51, Quốc lộ 1A, Đại lộ Đông Tây, Khách sạn New World, Cầu Mỹ Thuận, Cầu Rạch Miễu, Cầu Cần Thơ, Cầu Cổ Chiên, Đường cao tốc TP.HCM- Trung Lương, đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây, Quốc lộ 20, nhà máy nhiệt điện Trà Vinh... và hiện có nhiều khách hàng lớn đã và đang mua sản phẩm đá của Công ty.

## **10.2 Triển vọng phát triển của ngành**

Số liệu thống kê của Bộ Xây dựng cho thấy, ngành BĐS và xây dựng đã có những hồi phục tích cực. Cụ thể, giá trị sản xuất ngành xây dựng đã tăng 10,2% trong năm 2014 và được dự báo có thể tiếp tục tăng 10% năm 2015. Trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, dự kiến sẽ có 169 dự án giao thông được khởi công và hoàn thành trong năm 2015. Trong đó, nhiều dự án trọng điểm như đường cao tốc Ninh Bình - Thanh Hoá - Vũng Áng, cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận... đang được đẩy nhanh tiến độ triển khai. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư FDI dồi dào và sự hồi phục của nền kinh tế nói chung cũng được kỳ vọng sẽ thúc đẩy việc xây dựng nhà xưởng và kho bãi trên cả nước. Tất cả các yếu tố trên đều có tác động tích cực đối với hoạt động xây dựng, kéo theo nhu cầu với các loại VLXD như xi măng, nhựa, sắt thép, bê tông, và đặc biệt là đá xây dựng...

Riêng đối với Đồng Nai, tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú và đa dạng về chủng loại. Trong số đó, vật liệu xây dựng là loại có tiềm năng lớn nhất: đất sét sản xuất gạch ngói; cao lanh dùng trong ngành gốm sứ; đất cấp phối, đất sỏi, đất san lấp dùng để xây dựng công trình giao thông; cát xây dựng các loại ..... và đặc biệt là đá xây dựng có diện tích phân bố rộng, trữ lượng lớn nên thuận tiện trong việc sản xuất công nghiệp phục vụ nhu cầu xây dựng trong và ngoài tỉnh.



Trong những năm qua, ngành khai thác, chế biến đá xây dựng trong tỉnh đã đóng vai trò quan trọng và tích cực trong việc tạo nguồn thu ngân sách nhà nước, công ăn việc làm cho người lao động và là động lực phát triển cho ngành sản xuất phụ trợ, dịch vụ khác. Đặc biệt, đối với sản phẩm đá không chỉ đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu trong tỉnh mà còn đáp ứng nhu cầu cho các tỉnh Miền Đông, TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây Nam bộ đã và đang cần khối lượng đá rất lớn để phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng với nhu cầu hàng chục triệu mét khối đá/năm.

Hiện nay, nhiều công trình trọng điểm trên địa bàn đã và đang được triển khai thi công như: đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, các tuyến đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh, nâng cấp quốc lộ 1A, Quốc lộ 91, Sân bay Tân Sơn Nhất, nhà máy nhiệt điện Trà Vinh, nhà máy nhiệt điện Hậu Giang,... và trong thời gian tới dự kiến sẽ còn nhiều công trình hơn nữa tiếp tục triển khai như: đường cao tốc Dầu Giây – Phan Thiết, đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, đường cao tốc Trung Lương- Mỹ Thuận, Sân bay quốc tế Long Thành, đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh- Mộc Bài, .. và nhiều công trình địa phương nên cần khối lượng đá rất lớn.

### **10.3 Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng của thế giới**

Về trữ lượng, toàn tỉnh Đồng Nai có tổng trữ lượng đá được dự báo vào khoảng 2.946 triệu m<sup>3</sup>, phân bố trên diện tích 10.406ha. Theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 đã được HĐND tỉnh thông qua và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 21/12/2012, với quy mô và trữ lượng đá xây dựng trên diện tích 1.843 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo 519 triệu m<sup>3</sup>, tập trung quy hoạch tại các huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Thành, Trảng Bom và thành phố Biên Hoà.

Căn cứ Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 08/05/2012, nhu cầu sản lượng đá xây dựng từ năm 2010-2015 là 25.500.000 m<sup>3</sup> đá/năm và dự báo từ năm 2015-2020 là 38.000.000m<sup>3</sup> đá/năm.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển các khu đô thị và nhà ở đô thị, BBCC đã và đang xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng khai thác, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của tại Đồng Nai và các tỉnh khu vực lân cận.

Hoạt động đầu tư phát triển của Công ty tập trung chủ yếu vào lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp, giữ vững vị thế của Công ty trên thị trường. Cụ thể, tính từ năm 2012 đến năm 2014, Công ty đã thực hiện việc đền bù mở rộng vùng nguyên liệu khai thác tại các mỏ đá với tổng diện tích trên 12ha, tổng giá trị đền bù 30 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Mỏ đá Tân Cang 1 : 76.735 m<sup>2</sup>;



- Mỏ đá Soklu 2 : 32.670 m<sup>2</sup>;
- Mỏ đá Thạnh Phú : 2.285 m<sup>2</sup>;
- Mỏ đá Soklu 5 : 9.616 m<sup>2</sup>;
- Mỏ đá Thiện Tân : 300 m<sup>2</sup>.

Bên cạnh máy móc thiết bị đã đầu tư từ trước đây, trong những năm gần đây Công ty đã tiến hành lắp mới, di dời sửa chữa và nâng cấp 10 máy nghiền sàng đá, lắp đặt thêm 5 trạm biến áp công suất từ 160KVA đến 750KVA tại các mỏ để cung cấp điện phục vụ sản xuất. Đồng thời, thực hiện nâng cấp sửa chữa bến thủy nội địa Phù Sa, đường vận chuyển VLXD mỏ Thiện Tân, Thạnh Phú và nhiều hạng mục công trình khác.

Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành.

**PHẦN III: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA****1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa****1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
- Tên tiếng Anh: BIEN HOA BUILDING MATERIALS PRODUCTION AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: BBCC
- Trụ sở chính: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại: (84 61)3 859358 Fax: (84 61)3 859917
- Website: [www.bbcc.com.vn](http://www.bbcc.com.vn)

**1.2. Hình thức pháp lý**

Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Sản Xuất VLXD Biên Hòa; Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (hiệu lực từ 01/07/2015) và các văn bản pháp lý khác liên quan, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa**

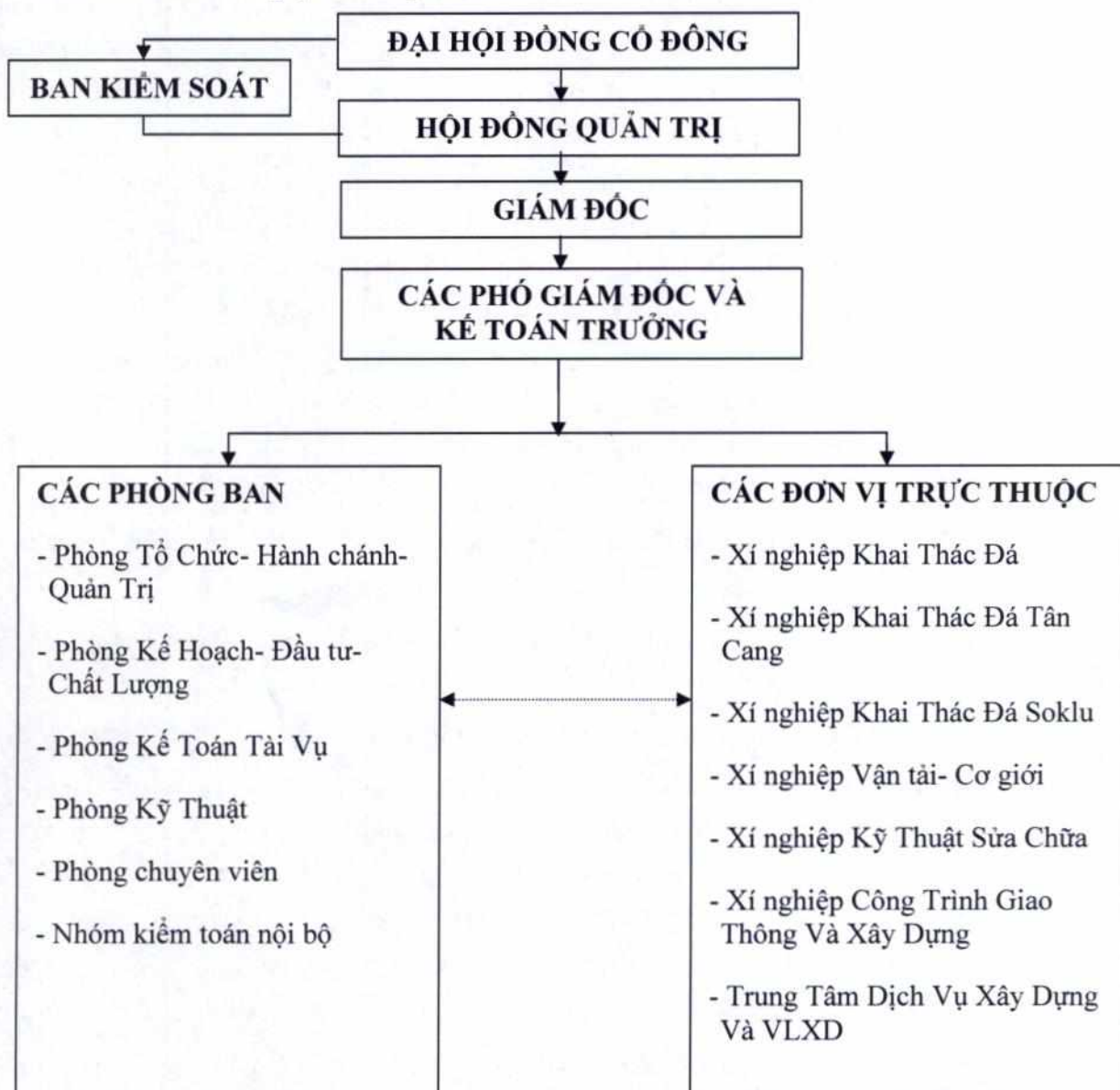
Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa vẫn duy trì hoạt động kinh doanh chính:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đại lý;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;



- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: kinh doanh khu du lịch sinh thái;

**1.3. Cơ cấu tổ chức công ty sau cổ phần**



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty: thực hiện theo Điều lệ, Quy chế làm việc của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa và các quy định của pháp luật.

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng nghiệp vụ Công ty, các xí nghiệp, đơn vị, bộ phận trực thuộc BBCC:

**a. Các phòng, bộ phận nghiệp vụ Công ty:**

- **Phòng Tổ chức- Hành chính Quản trị- Lao động tiền lương:**

Là phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu cho Giám đốc Công ty trong lĩnh vực tổ chức- cán bộ, hành chính- quản trị, lao động và tiền lương của Công ty. Nhiệm vụ cụ thể gồm:

- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác tổ chức, cán bộ, tuyển dụng, điều động, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ- công nhân viên lao động, tham mưu thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động trong công ty theo thẩm quyền được quy định trong Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
- Tham mưu và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ- công nhân viên lao động; tổ chức thực hiện công tác lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, vệ sinh lao động, công tác y tế, bảo vệ, phòng chống cháy nổ toàn Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty xây dựng các nội quy, quy chế, các văn bản liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, quản trị nhân sự, hành chính và chế độ, chính sách của người lao động trong Công ty, đồng thời giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế công ty của cán bộ - công nhân viên công ty.
- Tham mưu và tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ trong công ty theo quy định pháp luật hiện hành.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống chất lượng của Phòng đảm bảo phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008.

- **Phòng Kế hoạch- Đầu tư- Chất lượng:**

Là phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác lập kế hoạch sản xuất- kinh doanh, hoạch định phương án đầu tư, xây dựng và đảm bảo Công ty vận hành theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Nhiệm vụ cụ thể gồm:

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về kế hoạch sản xuất- kinh doanh, tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất- kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- Tổ chức đàm phán, soạn thảo, quản lý các hợp đồng kinh doanh, hồ sơ liên quan đến sản phẩm; theo dõi, đôn đốc các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc Công ty bảo đảm các yêu cầu thực hiện các hợp đồng mua bán sản phẩm.
- Tổ chức thực hiện công tác tiếp thị, giao dịch khách hàng.
- Tổ chức quản lý nhập, xuất, bảo quản vật tư, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất của Công ty.
- Tổng kết, phân tích hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty theo định kỳ.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác liên quan đến đầu tư của Công



ty. Kiểm tra, giám sát kế hoạch và dự án đầu tư của Công ty.

- Tổ chức quản lý các tài liệu, dữ liệu về khai thác mỏ; lập đầy đủ các thủ tục pháp lý, luận chứng kinh tế kỹ thuật liên quan đến quy trình khai thác mỏ; giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình khai thác mỏ; tổ chức thăm dò, khảo sát các mỏ vật liệu xây dựng mới.
- Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ, các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc Công ty triển khai thực hiện kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến đầu tư. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tại các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc và tổ chức thực hiện tốt công tác liên quan đến đầu tư tại Công ty.
- Tổ chức xây dựng, triển khai áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng của Công ty phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Tổ chức các đợt đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng.
- Nghiên cứu cải tiến hệ thống chất lượng của Công ty nhằm đạt hiệu quả sản xuất- kinh doanh cao.
- Báo cáo với Giám đốc Công ty về tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất- kinh doanh, công tác đầu tư, công tác quản lý chất lượng của Công ty.

• **Phòng Kỹ thuật:**

Là phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác kỹ thuật, sửa chữa, nghiên cứu cải tiến máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty. Nhiệm vụ cụ thể gồm:

- Nghiên cứu các công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng mới, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất- kinh doanh tại đơn vị nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Nghiên cứu lựa chọn máy móc thiết bị, xe máy công trình phù hợp yêu cầu sản xuất để đề xuất Giám đốc Công ty trình Hội đồng Thành viên xem xét, đầu tư.
- Thiết kế, chế tạo lắp đặt máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất- kinh doanh tại Công ty.
- Tổ chức kiểm tra, giám định tình trạng kỹ thuật máy móc thiết bị, đề xuất biện pháp sửa chữa, khắc phục các sự cố hỏng hóc; giám sát chất lượng phụ tùng thay thế được nhập khẩu, gia công và mua ngoài phục vụ công tác sửa chữa máy móc thiết bị của Công ty.
- Tổ chức giám sát tình trạng kỹ thuật của hệ thống máy móc thiết bị đảm bảo an toàn trong sản xuất tại Công ty.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống chất lượng của Phòng đảm bảo phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

• **Phòng Kế toán- Tài vụ:**

Là phòng nghiệp vụ chuyên môn tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán, hạch toán kinh doanh của Công ty. Nhiệm vụ cụ thể gồm:

- Tham mưu Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán, thông tin kinh tế và hạch toán kinh doanh của Công ty. Tổ chức công tác kế toán, thống kê trong toàn Công ty.
  - Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh tình hình hoạt động sản xuất- kinh doanh và phân tích kết quả hoạt động sản xuất- kinh doanh trong Công ty.
  - Quản lý chặt chẽ tài sản, quỹ tiền mặt của Công ty, kịp thời tính toán và trích nộp đầy đủ các khoản nộp ngân sách, các quỹ trong Công ty, thanh toán và thu hồi đầy đủ và kịp thời các nợ phải thu, phải trả.
  - Phản ánh chính xác và kịp thời kết quả kiểm kê định kỳ, tham mưu xử lý các khoản hao hụt, mất mát. Lập và gửi các báo cáo theo yêu cầu của Giám đốc Công ty hay các cơ quan chức năng cấp trên đầy đủ và đúng hạn. Tổ chức kiểm tra, xét duyệt các báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc.
  - Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty và các đơn vị trực thuộc.
  - Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính kế toán của Nhà nước cho các bộ phận trong Công ty, bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán trong Công ty.
  - Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, chịu trách nhiệm về việc sử dụng tài chính, bảo quản và phát triển vốn của Công ty. Phối hợp các bộ phận khác trong Công ty kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.
  - Tổ chức đánh giá lại tài sản, xử lý các tình hình tăng giảm tài sản.
- **Phòng Chuyên viên:**
- Phòng Chuyên viên có chức năng tham mưu cho Đảng ủy bộ phận Công ty về công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo các đoàn thể, giúp Đảng ủy bộ phận Công ty xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng tháng, quý, năm; xây dựng các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về công tác Đảng và thực hiện các nghiệp vụ công tác Đảng theo quy định.
  - Tư vấn cho Giám đốc Công ty thẩm định về tính pháp lý các hồ sơ thiết kế khai thác mỏ do Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Chất lượng lập; tư vấn cho Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác tại các xí nghiệp đá; đề nghị Giám đốc Công ty chấn chỉnh hoặc xử lý các vi phạm khai thác không đúng thiết kế mỏ.
  - Phối hợp với Phòng Kế hoạch- Đầu tư- Chất lượng Công ty làm việc với các đoàn kiểm tra của cơ quan chức năng.



- Tư vấn cho Giám đốc Công ty chỉ đạo các xí nghiệp đơn vị trực thuộc thực hiện công tác môi trường tại khu vực sản xuất. Cùng với lãnh đạo Công ty và các phòng nghiệp vụ tham gia các Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

- **Nhóm kiểm toán nội bộ:**

Là một bộ phận nghiệp vụ giúp Giám đốc Công ty kiểm tra, giám sát các công tác sau:

- Kiểm tra sự tuân thủ luật pháp, các chính sách chế độ tài chính- kế toán, chế độ quản lý của Nhà nước trong hệ thống tài chính- kế toán toàn Công ty và việc chấp hành các quyết định, quy chế, quy định của Giám đốc Công ty về hoạt động tài chính- kế toán trong Công ty.
- Phát hiện những hạn chế, yếu kém, gian lận trong quá trình quản lý sản xuất-kinh doanh, bảo vệ tài sản của Công ty và đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về hiệu quả, tính trung thực, chính xác, hợp lý của báo cáo kiểm toán và các thông tin tài chính- kế toán đã qua kiểm toán.
- Tuân thủ quy chế bảo mật của Công ty khi thực hiện kiểm toán.

**b. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:**

- **Xí nghiệp khai thác Đá:**

- Văn phòng giao dịch: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
  - Điện thoại: 061.3966424; Fax: 061.3966424
- Công trường khai thác đá Thạnh Phú,
  - Điện thoại: 061.3966424
  - Địa chỉ: xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai,
  - Bến thủy nội địa Thạnh Phú, điện thoại: 061.8615979
- Công trường Khai thác Đá Thiện Tân 2,
  - Điện thoại: 061.3971877
  - Địa chỉ: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
  - Bến thủy nội địa Thiện Tân, điện thoại: 061.3865802
- Công trường Khai thác Đá Đồi Chùa.
  - Địa chỉ: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- **Xí nghiệp khai thác Đá Tân Càng**

- Văn phòng giao dịch: ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
  - Điện thoại: 061.3850251; Fax: 061.3850251
- Công trường Khai thác Đá Tân Cang, Điện thoại: 061.8838056
  - Địa chỉ: ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- **Xí nghiệp khai thác Đá Soklu**
  - Văn phòng giao dịch: ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
    - Điện thoại: 061.3867582; Fax: 061.3764225
  - Công trường Khai thác Đá Soklu 2
    - Địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
  - Công trường Khai thác Đá Soklu 5
    - Địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- **Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới:**
  - Thực hiện chức năng dịch vụ vận chuyển vật liệu xây dựng đến tận chân công trình cho khách hàng trong và ngoài tỉnh Đồng Nai với giá cả hợp lý, giao hàng đúng hẹn, đảm bảo khối lượng giao nhận và thực hiện thi công các công trình giao thông hoặc cho thuê xe cơ giới (có kèm người điều khiển) như : xe cuốn, xe lu, xe ban, xe thảm nhựa, xe bồn nước ... theo yêu cầu của khách hàng.
    - Địa chỉ giao dịch: K4/79C Nguyễn Tri Phương, KP3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
    - Điện thoại: 061.3855050
- **Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng:**
  - Thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng và bao che công nghiệp.... được thực hiện bởi đội ngũ kiến trúc sư, kỹ sư giỏi và công nhân lành nghề. Trong thời gian qua đã đảm nhận thi công nhiều công trình lớn, đạt yêu cầu về chất lượng với giá cả hợp lý và đã tạo được sự tin nhiệm của khách hàng trong và ngoài tỉnh Đồng Nai.
    - Địa chỉ giao dịch: KP4, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
    - Điện thoại : 061.3850279; Fax: 061.3850278
- **Xí nghiệp Kỹ thuật Sửa chữa:**
  - Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của toàn Công ty và khách hàng bên ngoài. Với đội ngũ kỹ sư giỏi, chuyên viên kỹ thuật có tay nghề cao có nhiều năm kinh nghiệm sẵn sàng cung cấp dịch vụ bảo





BCC

dưỡng, sửa chữa xe máy cho khách hàng đạt chất lượng tốt với giá cả hợp lý.

- - Địa chỉ : xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- - Điện thoại : 061.3966969

• **Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa:**

- Chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng các loại, các mặt hàng trang trí nội thất do các doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất, đặc biệt làm đại lý giới thiệu và bán sản phẩm do Công ty sản xuất, kinh doanh vật tư, phụ tùng máy móc thiết bị chuyên dùng và các loại cơ giới thi công, thực hiện các loại dịch vụ về xây dựng, trang trí nội thất...
  - Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
  - Điện thoại: 061.3941882; Fax: 061.3842641

**c. Tổ chức Đảng và các đoàn thể chính trị trong Công ty cổ phần**

Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa có tổ chức Đảng, Công đoàn, Hội Cựu Chiến binh và Liên Chi đoàn Thanh niên, nhân sự cấp ủy, ban chấp hành các đoàn thể, số lượng đảng viên, đoàn viên, hội viên được kế thừa từ Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng, Công đoàn, Hội Cựu Chiến binh và Liên Chi đoàn Thanh niên Công ty thực hiện theo điều lệ và quy định của mỗi tổ chức.

**2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá**

**2.1. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hoá**

**a. Chiến lược phát triển doanh nghiệp**

• **Định hướng chiến lược phát triển**

- Xây dựng BBCC thành một Công ty hàng đầu của Việt Nam về khai thác, chế biến đá xây dựng có trình độ công nghệ và quản lý hiện đại.
- Chuyên môn hóa cao theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh, dịch vụ, không ngừng nâng cao cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phát triển thương hiệu trên cơ sở xây dựng quy chế quản lý thương hiệu, hệ thống kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh, hiệu quả.
- Nâng cao uy tín, vị thế và năng lực cạnh tranh của Công ty và của từng Đơn vị trực thuộc trên thị trường.

• **Mục tiêu cụ thể**

- Tiếp tục lấy nhiệm vụ khai thác, chế biến đá xây dựng làm trọng tâm, đồng thời thực hiện giảm giá thành sản phẩm hợp lý để nâng cao năng lực cạnh tranh đối

với các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề.

- Tập trung tăng giá trị sản xuất trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng, đảm bảo phần đầu tăng tỷ trọng giá trị đầu tư lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng trên tổng giá trị sản xuất kinh doanh toàn Công ty.
- Đẩy mạnh và đầu tư hơn nữa cho công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành nhằm làm chủ các công nghệ khai thác, chế biến đá xây dựng.
- Tiếp tục đầu tư có hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc nhằm đem lại hiệu quả ngày càng tăng cao cho toàn Công ty, sử dụng hiệu quả quỹ đất đang quản lý.

**b. Các dự án Công ty đang và sẽ thực hiện đầu tư**

• **Nhu cầu đầu tư của Công ty sau cổ phần hóa**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<i>STT</i>	<i>Hạng mục đầu tư</i>	<i>Tổng mức đầu tư</i>	<i>2016</i>	<i>2017</i>	<i>2018</i>	<i>2019</i>	<i>2020</i>
1	Máy xay số 6 - Thiện Tân (nâng cấp)	<b>6.000</b>	6.000				
2	20 xe tải ben 15 tấn, mới 100%	<b>20.000</b>	10.000		10.000		
3	01 băng chuyền tải đá thành phẩm - Cảng Thạnh Phú	<b>13.000</b>		13.000			
4	01 Máy chế biến cát xây dựng	<b>13.000</b>		13.000			
5	01 Máy xay đá 350tấn/giờ, mới 100%	<b>16.700</b>		16.700			
6	3 máy đào 1,8m <sup>3</sup> , đã qua sử dụng	<b>6.000</b>		2.000	2.000	2.000	
7	05 Xe xúc Caterpillar hoặc Volvo, gàu 5m <sup>3</sup>	<b>30.000</b>		6.000	12.000		12.000
<b>Cộng</b>		<b>104.700</b>	<b>16.000</b>	<b>50.700</b>	<b>24.000</b>	<b>2.000</b>	<b>12.000</b>

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa*

• **Thông tin về dự án đầu tư**

- **Máy xay số 6- Thiện Tân (nâng cấp):**

- Mục tiêu của dự án: Nâng cấp hệ thống nghiền sàng đá tại mỏ Thiện Tân nhằm tạo ra sản phẩm đá tốt hơn, giảm tỷ lệ đá dẹt và tăng công suất từ 100 tấn/giờ lên 150 tấn/giờ, tổng chi phí đầu tư là 600 triệu đồng.
- Mục đích sử dụng: Chế biến đá nguyên liệu ra đá thành phẩm các loại 1x2, 0x4, 4x6, đá mi,...

- **20 Xe tải ben 15 tấn, xe xúc, máy xay đá 350tấn/giờ, mới 100%:**

- Nhằm thay thế các thiết bị hết niên hạn sử dụng (đối với xe tải), thay thế các máy cũ (đối với xe xúc, máy xay) tại các mỏ đá Thạnh Phú, Thiện



Tân, Tân Cang.

- Mục đích sử dụng: Vận chuyển đá nguyên liệu, dòi đá thành phẩm, vận chuyển đá sà lan (xe tải); xúc đá nguyên liệu, thành phẩm lên xe tải (xe xúc) và chế biến đá nguyên liệu ra đá thành phẩm các loại 1x2, 0x4, 4x6, đá mi,.. (máy xay).
- **3 Máy đào 1,8 m<sup>3</sup>, đã qua sử dụng**
  - Đầu tư 03 máy đào bánh xích, dung tích gàu 1,8m<sup>3</sup>, hiệu Doosan hoặc Hyundai, đã qua sử dụng nhằm thay thế các máy đào cũ của Công ty sử dụng tại các mỏ: Thạnh Phú, Thiện Tân và Tân Cang.
  - Mục đích sử dụng: Bốc đất đầu, cuốc đá nguyên liệu lên xe tải.
- **Băng chuyên tải đá thành phẩm- Cảng Thạnh Phú**
  - Lắp đặt băng chuyên tải đá thành phẩm công suất 500 m<sup>3</sup>/giờ, từ khu vực chế biến ra cảng Thạnh Phú, với vốn đầu tư 13 tỷ đồng do BBCC tự thiết kế và thi công nhằm thay thế xe vận chuyển do băng chuyên đá có nhiều ưu điểm: chi phí vận hành thấp, giảm hao hụt đá trong quá trình vận chuyển và hạn chế ô nhiễm môi trường.
  - Mục đích sử dụng: Vận chuyển đá thành phẩm từ khu vực chế biến đến sà lan khách hàng tại bến thủy nội địa Thạnh Phú.
- **Máy chế biến cát xây dựng**
  - Căn cứ tình hình sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu xây dựng cơ bản như cát xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao đòi hỏi phải đi trước một bước để thực hiện chương trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới và từng bước thay thế hoàn toàn vật liệu xây dựng sẵn có trong tự nhiên.
  - Tạo công ăn việc làm để ổn định cuộc sống và thu nhập cho người lao động tại địa phương cũng như tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và các huyện lân cận.
  - Tiếp tục khẳng định và củng cố vị thế của Công ty trên thị trường vật liệu xây dựng với các đối thủ cạnh tranh trước mắt cũng như về lâu dài, dựa trên lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động khai thác - sản xuất và kinh doanh đá, cát xây dựng.
  - Quy mô đầu tư:
    - Công suất thiết bị: 400.000 tấn cát/năm.
    - Thành phẩm: Cát bê tông và cát tô đảm bảo cỡ hạt theo tiêu chuẩn TCVN 7572 - 2006. Cụ thể:
      - Cát cho bê tông (cát to hạt):
        - Mô đun độ lớn từ 2,0 - 3,3



- Hàm lượng muối gốc sunphát, sunphít không quá 1% khối lượng.
- Hàm lượng sỏi có đường kính từ 5-10mm không vượt quá 5% khối lượng
- Hàm lượng mica không được lớn hơn 1% theo khối lượng
- Cát tô (demi):
  - Mô đun độ lớn không được nhỏ hơn 0,7
  - Hàm lượng muối gốc sunphát , sun phít không quá 1% khối lượng.
  - Hàm lượng bùn sét, hữu cơ không quá 5% khối lượng
  - Hàm lượng sỏi có đường kính từ 5-10mm : không có
  - Sét, á sét và các tạp chất khác ở dạng cục : không có
  - Bãi chứa cát khô ráo, đổ theo đồng, không để lẫn với các loại vật liệu, rác và các loại tạp chất khác.
- Mô tả thiết bị:
  - Máng chứa đá
  - Khung băng tải BC1- 800x18000
  - Máy sàng 2400x7000
  - Băng tải BC3-800x17000
  - Cối nghiền cát VSI-8518 (xuất xứ Trung Quốc)
  - Băng tải BC7-600x7000
  - Máy rửa cát XSD-3620
  - Khung băng tải BC2- 800x18000
  - Hệ thống nước
  - Hệ thống điện
  - Bờ kè
  - Hồ nước

## 2.2. Các chỉ tiêu chính

Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh BBCC giai đoạn 2016-2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Tỷ đồng				
	2016	2017	2018	2019	2020
1.Sản lượng tiêu thụ, dịch vụ hoàn thành:					



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

+ Đá xây dựng (ngàn m <sup>3</sup> )	4.900	5.292	5.600	6.050	6.500
+ Kinh doanh VLXD, phụ tùng (triệu đồng)	74.000	78.000	82.000	86.000	90.000
+ Vận tải, cơ giới (triệu đồng)	58.000	60.000	63.000	66.000	70.000
+ Giao thông, xây dựng (triệu đồng)	5.000	6.000	7.000	8.000	10.000
<b>2. Vốn điều lệ</b>	<b>450.000</b>	<b>450.000</b>	<b>450.000</b>	<b>450.000</b>	<b>450.000</b>
3. Tổng số lao động	780	788	795	803	810
4. Tổng quỹ lương	76.612	81.769	89.120	93.460	101.750
5. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8.185.000	8.647.000	9.342.000	9.698.000	10.468.000
6. Tổng doanh thu	<b>693.106</b>	<b>763.156</b>	<b>820.849</b>	<b>904.812</b>	<b>988.247</b>
7. Tổng chi phí	636.856	703.156	756.849	833.812	908.247
8. Lợi nhuận trước thuế	56.250	60.000	64.000	71.000	80.000
9. Lợi nhuận sau thuế	<b>45.000</b>	<b>48.000</b>	<b>51.200</b>	<b>56.800</b>	<b>64.000</b>
10. Phân bổ các quỹ (triệu đồng)	11.250	12.000	12.800	14.200	16.000
- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	6.750	7.200	7.680	8.520	9.600
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	4.500	4.800	5.120	5.680	6.400
11. Tỷ lệ cổ tức (%)	7,5	8	8,5	9,47	10,67
12. Cổ tức chi trả (%)	100	100	100	100	100
13. Thu nhập trên 01 cổ phần (EPS) (đồng/ cổ phần)	900	960	1.024	1.136	1.280

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

**2.3. Các giải pháp thực hiện**

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện như sau:

**a. Giải pháp về thị trường**

- **Khai thác chế biến đá xây dựng:**

Lĩnh vực khai thác chế biến đá xây dựng được xác định là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của công ty. Sau khi công ty cổ phần hóa, các giải pháp đẩy mạnh hoạt động này được thực hiện như sau:

- Tiếp tục không ngừng hoàn thiện, phát triển nguồn nhân lực, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, xây dựng phong cách chuyên nghiệp, áp dụng các công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước trong công tác quản lý, khai thác, chế biến đá xây dựng nhằm cung ứng cho khách hàng sản phẩm đá xây dựng có chất lượng tốt nhất.
- Sản xuất ra nhiều chủng loại sản phẩm chất lượng đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng, công trình. Hiện nay, BBCC đang quản lý, khai thác và kinh doanh 5 mỏ đá, trải rộng trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, huyện Thống Nhất và TP. Biên Hòa.



Hòa và hoàn toàn có đủ khả năng cạnh tranh cung cấp đá cho toàn tỉnh Đồng Nai, TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Đông, Miền Tây Nam bộ.

- Tiếp tục khai thác lợi thế về đường thủy, Công ty sẽ hoàn thiện hơn nữa để đầu tư xây dựng các bến thủy nội địa phục vụ giao nhận hàng có thể tiếp nhận sà lan có tải trọng lớn hơn so với hiện nay và việc giao bốc dỡ đá bằng hệ thống băng tải xuống sà lan nhanh chóng và tiện lợi, đảm bảo không rơi đá ra ngoài, dù khối lượng đá giao cho khách hàng, tuyệt đối an toàn và không làm ô nhiễm môi trường so với bốc dỡ bằng phương tiện cạp đá truyền thống trước đây.
- Đổi mới phương pháp tổ chức và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý nhằm thực hiện phân công giao nhiệm vụ khai thác thị trường cho các cán bộ lãnh đạo và cán bộ chủ chốt, gắn trách nhiệm từng cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt trong công tác tìm kiếm mở rộng thị trường.
- Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hợp lý, tập trung nhân lực, máy móc thiết bị, vốn phục vụ cho sản xuất khai thác chế biến đá xây dựng đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

• **Kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng và phụ tùng cơ giới:**

Đối với Trung Tâm Dịch vụ xây dựng và Vật liệu xây dựng, sau cổ phần hóa, doanh nghiệp tập trung vào những giải pháp sau:

- Hết sức chú trọng trong việc đưa sản phẩm trực tiếp từ khâu sản xuất đến khâu tiêu dùng và giảm dần khối lượng đá mua bán qua khách hàng trung gian nhằm đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
- Là nơi tiếp nhận các ý kiến phản ánh của khách hàng, để từ đó giúp Công ty nhận biết chính xác nhu cầu, thị hiếu khách hàng và đưa ra chính sách kinh doanh hợp lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- Khuếch trương và mở rộng thực hiện kinh doanh, cung ứng các loại vật liệu xây dựng như xi măng, sắt, thép, vật liệu nước: ống nhựa, thiết bị vệ sinh,..., trang trí nội thất và phụ tùng cơ giới do các doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất.
- Quản lý và khai thác Bến thủy nội địa Phù Sa phục vụ kinh doanh cát, đá xây dựng và bốc dỡ gia công các mặt hàng khác cho khách hàng, với 04 cần cẩu cạp 45 tấn có khả năng cung cấp cho thị trường khu vực TP.Biên Hòa và các tỉnh lân cận trên 100.000m<sup>3</sup> cát/năm và bốc dỡ trên 400.000 m<sup>3</sup> đá /năm, đồng thời gia công bốc dỡ các hàng hóa khác như sắt thép, phế liệu, gạch men, xi măng, phôi thép... của các doanh nghiệp tại địa phương. Bên cạnh đó, sẽ đầu tư xây lắp thiết bị bốc dỡ hàng hóa phù hợp nhu cầu của các doanh nghiệp tại địa phương.



- **Thi công các công trình cầu đường, xây dựng:**

Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng thuộc BBCC là một Xí nghiệp có những thế mạnh so với các công ty khác, là Xí nghiệp có đội ngũ kỹ sư tư vấn thiết kế lâu năm và nhiều kinh nghiệm trong việc đưa ra giải pháp thiết kế, thi công công trình. Đồng thời, do Công ty hoàn toàn chủ động trong việc cung cấp đá, vật liệu xây dựng các loại nên khi thi công công trình sẽ tiết kiệm được chi phí, thời gian và rút ngắn tiến độ thi công so các nhà thầu khác. Các giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa::

- Đổi mới phương pháp tổ chức và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, tìm kiếm nguồn việc mới. Thực hiện phân giao nhiệm vụ tìm kiếm công trình cho các Đội thi công, gắn trách nhiệm từng cán bộ chủ chốt của đội trong công tác tìm kiếm công trình.
- Thực hiện tốt công tác giao thầu, giao khoán nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.
- Đẩy mạnh áp dụng cải tiến kỹ thuật trong thi công, cải tiến quy trình quản lý thi công nhằm giảm chi phí thi công đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh trong đấu thầu.
- Quản lý tốt việc thực hiện các hợp đồng, chú trọng đến tiến độ thi công và lập hồ sơ thanh quyết toán công trình, đặc biệt là các công trình có nguồn vốn đảm bảo, có thể đem lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Phát huy năng lực sẵn có, tăng cường đầu tư chất xám để phát triển lĩnh vực tư vấn, thiết kế các công trình giao thông và xây dựng.

- **Kinh doanh dịch vụ vận tải và thi công cơ giới:**

- Hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là khai thác đá xây dựng, cho các đơn vị nội bộ và khách hàng bên ngoài khi có nhu cầu.
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị vận tải và cơ giới chuyên dùng như xe ben, xe cuốc, xe lu, xe trải nhựa, ... để phục vụ sản xuất – kinh doanh cho các đơn vị nội bộ hoặc khách hàng ngoài thuê khi có nhu cầu.

- **Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị (nội bộ):**

- Phát huy vai trò là đơn vị dịch vụ sửa chữa trong nội bộ, vì hiện nay Công ty đã đầu tư hàng trăm máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành khai thác đá tại các mỏ và trong quá trình sử dụng, máy móc thiết bị bị hư hỏng cần phải được kịp thời, nhanh chóng chuyển giao cho đội ngũ cán bộ, kỹ sư của Xí nghiệp Kỹ thuật - Sửa chữa thực hiện gia công sửa chữa đại tu và bảo dưỡng.

- **Trong lĩnh vực đầu tư phát triển:**

- Rà soát các máy móc, thiết bị đầu tư, kết hợp phương án đầu tư trang thiết bị với phương án sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung vốn nhằm đẩy mạnh đầu tư dự án có nguồn vốn đầu tư được đảm bảo và sớm có khả năng mang lại

hiệu quả kinh tế.

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến các thủ tục đất đai đền bù mở rộng, các giấy phép tăng độ sâu của mỏ đá.
- Nghiên cứu tạo ra sản phẩm đá xay ra cát và các loại vật liệu xây dựng khác cung cấp theo nhu cầu của thị trường.

#### **b. Giải pháp tài chính**

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch quản lý chi phí – giá thành gắn với khả năng thu hồi nợ và trả nợ phù hợp với từng hợp đồng trên cơ sở quy trình quản lý chung, đảm bảo cân đối dòng tiền đối với từng hợp đồng và tổng thể đối với hoạt động kinh doanh.
- Làm tốt công tác quản lý công nợ, tập trung cho công tác thu hồi công nợ theo kế hoạch thu chi tài chính từng tháng, từng quý, đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính tại các Xí nghiệp trực thuộc công ty.
- Tăng cường mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo khả năng vay vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp thực hành tiết kiệm.
- Đầu tư tài chính, đầu tư gián tiếp, trực tiếp trong tỉnh và ngoài tỉnh

#### **c. Kế hoạch marketing quảng bá thương hiệu**

- Tích cực quảng bá và khẳng định thương hiệu BBCC thông qua chất lượng thực hiện cung cấp sản phẩm đá xây dựng cho các công trình.
- Lấy thế mạnh vượt trội về đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao; kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng; hệ thống thiết bị chuyên ngành đồng bộ... làm lợi thế cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.
- Duy trì quan hệ tốt và đẩy mạnh công tác marketing với các chủ đầu tư, các tỉnh, thành phố địa phương để nắm bắt kịp thời nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.
- Xây dựng tiêu chuẩn hệ thống thông tin khách hàng, hoàn thành phần mềm dữ liệu khách hàng, chuẩn hóa chính sách chất lượng sản phẩm, chính sách phục vụ nhằm đảm bảo uy tín lớn của công ty với khách hàng.
- Quảng bá thương hiệu BBCC thông qua tác phong làm việc chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả của đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu BBCC.

#### **d. Nghiên cứu khoa học và công nghệ**

- Tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật để kịp thời ứng dụng những công nghệ mới phục vụ chuyên ngành khai thác và chế biến đá xây dựng.



- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường để ứng dụng trong sản xuất hạn chế ô nhiễm môi trường trong khai thác và chế biến đá xây dựng.
- Xây dựng hệ thống phần mềm trong quản trị, quản lý tổng thể doanh nghiệp nhằm ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các nghiệp vụ của công ty, các Xí nghiệp trực thuộc; sử dụng các sản phẩm điện tử, mạng thông tin nội bộ trong toàn hệ thống công ty nhằm quản lý kinh doanh hiệu quả, an toàn, nhanh chóng và chính xác; sử dụng thành quả công nghệ thông tin để thu thập thông tin và quảng bá hình ảnh công ty.

#### e. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực

Công ty xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn với nội dung chủ yếu sau:

- Chính sách tuyển dụng: Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển; ưu tiên tuyển dụng lao động có trình độ cao trong lĩnh vực khai thác, chế biến đá xây dựng.
- Chính sách đào tạo: Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo cán bộ công nhân viên có mục tiêu phù hợp với chiến lược phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, trong đó ưu tiên và nhanh chóng đào tạo nâng cao năng lực quản lý, đào tạo công nhân kỹ thuật, vận hành máy móc, thiết bị. Nội dung đào tạo được tập trung vào các kỹ năng quản trị hiện đại, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống; đào tạo chuyên môn kỹ thuật, nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với trình độ phát triển của nhân viên.
- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công bằng, công khai, chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để cán bộ công nhân viên sáng tạo trong công việc, khuyến khích các thành viên làm việc tốt, chất lượng cao, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo tinh thần thi đua của mọi người, không cào bằng, đa dạng hoá hình thức đãi ngộ.

### 3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

#### 3.1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần như sau :

<i>STT</i>	<i>Đối tượng</i>	<i>Số lượng Cổ phần</i>	<i>Giá trị cổ phần (đồng)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
------------	------------------	-----------------------------	-----------------------------------	----------------------

<i>STT</i>	<i>Đối tượng</i>	<i>Số lượng Cổ phần</i>	<i>Giá trị cổ phần (đồng)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1	Nhà nước	31.500.000	315.000.000.000	70
2	CBCNV mua ưu đãi	2.947.600	29.476.000.000	6,55
2.1	<i>Theo tiêu chuẩn thâm niên</i>	<i>1.002.800</i>	<i>10.028.000.000</i>	<i>2,23</i>
2.2	<i>Theo đăng ký cam kết làm việc</i>	<i>1.944.800</i>	<i>19.448.000.000</i>	<i>4,32</i>
3	Nhà đầu tư chiến lược	4.500.000	45.000.000.000	10
4	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	6.052.400	60.524.000.000	13,45
<b>Tổng cộng</b>		<b>45.000.000</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa*

#### **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Tỷ lệ cổ phần Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa do người nước ngoài nắm giữ được thực hiện theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam. Theo đó, các tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng.

Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai là 6.052.400 cổ phần. Trong trường hợp toàn bộ 6.052.400 cổ phần được nhà đầu tư nước ngoài đấu giá thành công và mua hết thì tổng số cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu là 6.052.400 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 13,45% vốn điều lệ. Tỷ lệ này vẫn đảm bảo quy định của Nhà nước về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.

#### **3.2. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần**

Trong giai đoạn 2015-2020, Công ty duy trì mức vốn điều lệ là 450 tỷ đồng.

#### **4. Rủi ro dự kiến**

##### **4.1. Rủi ro kinh tế**

Việt Nam là nước đang phát triển, có tốc độ đô thị hóa tương đối cao. Sau giai đoạn tăng trưởng khá (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 6,6% trong giai đoạn 2000-2010), GDP đang có xu hướng giảm dần, trong giai đoạn 2011 – 2013 chỉ đạt 5,6%. Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức: xử lý nợ xấu hệ thống ngân hàng, cải thiện hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công do hệ số ICOR thấp,... Tất cả các yếu tố trên đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua các yếu tố: chi phí nguyên vật liệu đầu vào đa phần có xu hướng tăng, lãi vay còn ở mức





tương đối cao,... Tuy nhiên sau nhiều giải pháp và nỗ lực quyết liệt của Chính phủ đặc biệt là quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, dấu hiệu khả quan về sự phục hồi của nền kinh tế đã dần xuất hiện từ năm 2013.

Tiến trình cơ cấu lại nền kinh tế sẽ gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; được thực hiện đồng bộ trong tất cả các ngành, lĩnh vực trên phạm vi cả nước và từng địa phương, đơn vị cơ sở trong nhiều năm. Trong đó, tập trung vào 3 lĩnh vực quan trọng nhất: cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, và đặc biệt là tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công. Dự báo nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng đem lại kỳ vọng trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa trong các năm tiếp theo.

#### 4.2. Rủi ro về luật pháp

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Luật doanh nghiệp, Luật bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản,...

Là quốc gia thuộc nền kinh tế mới nổi, Việt Nam đã và đang hoàn thiện hệ thống luật và các văn bản dưới luật để đảm bảo hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng được thuận lợi hơn và ít rủi ro hơn. Tuy vậy, hiện tại Công ty vẫn đang đối mặt với rủi ro từ hệ thống luật thiếu nhất quán, tính khả thi chưa cao. Để giảm thiểu tác động rủi ro này đến hoạt động kinh doanh, Công ty đã và đang cập nhật văn bản luật, nâng cao tính tuân thủ để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty vừa hiệu quả vừa tuân theo quy định của pháp luật.

#### 4.3. Rủi ro đặc thù

Kinh doanh chính của Công ty hiện nay là khai thác mỏ và chế biến đá xây dựng. Vì vậy mỏ đá đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của Công ty. Các điều kiện địa chất mỏ, chất lượng đá và cơ sở hạ tầng của mỏ là những yếu tố quyết định tính hiệu quả của hoạt động khai thác.

Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu khảo sát khoa học đánh giá về trữ lượng và chất lượng nhằm mục đích giảm thiểu những rủi ro. Tuy nhiên những nghiên cứu đánh giá này không thể khắc phục và lường trước được hết các rủi ro trong quá trình khai thác làm tăng chi phí sản xuất của Công ty, thậm chí phải thay đổi cả công nghệ khai thác, giảm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận. Công ty đang nghiên cứu để đa dạng hóa nguồn doanh thu của mình bằng hình thức đầu tư trực tiếp vào các lĩnh vực sản xuất các loại vật liệu xây dựng khác.

Ngoài ra, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong cùng ngành nghề chủ yếu về giá bán và chất lượng đá đã làm cho việc điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm đầu ra rất khó thực hiện dẫn tới giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.



#### 4.4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này là đợt chào bán lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa để cổ phần hóa. Tổng giá trị bán đấu giá là 60.524.000.000 đồng (tính theo mệnh giá). Do không ký kết hợp đồng bảo lãnh phát hành nên khả năng lượng cổ phần đưa ra bán đấu giá đợt này không được mua hết là có thể xảy ra. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

*“Ban chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.*

*Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.*

*Ban chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh”.*

Như vậy, trong trường hợp đợt chào bán lần này không thành công thì vốn điều lệ sẽ bị điều chỉnh. Từ đó, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của công ty trong tương lai.

#### 4.5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro do sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.



## PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

## 1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

Theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, đối tượng chào bán và phương thức bán được tóm tắt như bảng sau:

STT	Đối tượng chào bán	Giá bán	Số lượng bán (cp)	%VĐL
1	Người lao động		2.947.600	6,55%
1.1	Theo tiêu chuẩn thâm niên	bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai	1.002.800	2,23%
1.2	Theo đăng ký cam kết làm việc	bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai	1.944.800	4,32%
2	Nhà đầu tư chiến lược	Theo quy định về mức giá chào bán cho nhà đầu tư chiến lược	4.500.000	10,00%
3	Nhà đầu tư tham dự đấu giá	Giá khởi điểm đấu giá: 12.600 đồng/cp	6.052.400	13,45%
<b>Tổng cộng</b>			<b>13.500.000</b>	<b>30,00%</b>

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

## 1.1. Đối với người lao động:

## a. Số lượng và giá bán:

- Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”. Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 31/12/2014 (thời điểm UBND Tỉnh Đồng Nai công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa để cổ phần hóa) là 773 người.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước là 758 người.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo hình thức này là: 1.002.800 cổ phần với tổng mệnh giá là: 10.028.000.000 đồng chiếm 2,23% vốn điều lệ công ty cổ phần. Công ty có 758 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này

với tổng số cổ phần là **1.002.800** cổ phần, tương ứng với tổng mệnh giá là 10.028.000.000 đồng chiếm 2,23% vốn điều lệ Công ty cổ phần

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *“Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”*.

BBCC có 681 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **1.944.800** cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là 19.448.000.000 đồng chiếm 4,32% vốn điều lệ công ty cổ phần. Trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ cổ phần đã mua thêm với mức giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã mua tại thời điểm cổ phần hóa.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

#### **b. Phương thức thanh toán:**

- Người lao động đăng ký mua tại Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa và nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
- Thời điểm đăng ký mua dự kiến: từ tháng 08/2015 đến tháng 09/2015.
- Thông tin tài khoản phong tỏa:
  - Tên tài khoản: Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa
  - Số tài khoản: 102010002316512
  - Tại Ngân hàng: Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai
- Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng ký mua.

#### **1.2. Đối với nhà đầu tư chiến lược:**

##### **a. Số lượng và giá bán:**

- Số lượng bán cho nhà đầu tư chiến lược là 4.500.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10% vốn



điều lệ.

- Giá bán khởi điểm: Theo quy định về mức giá chào bán cho nhà đầu tư chiến lược.
- Tiêu chí: theo tiêu chí quy định tại Văn bản số 5724/UBND-KT ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai.
- Nhà đầu tư chiến lược: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, theo Công văn số 6183/UBND-KT ngày 06/08/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa..

**b. Phương thức thanh toán:**

- Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

**1.3. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:**

**a. Số lượng và giá bán:**

- Số lượng bán cho nhà đầu tư tham gia đấu giá là 6.052.400 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 13,45% vốn điều lệ.
- Giá bán khởi điểm: 12.600 đồng.
- Căn cứ xác định giá khởi điểm:
  - Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp BBCC do Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai lập.
  - Xem xét báo cáo xác định giá khởi điểm của đơn vị tư vấn BVSC.
  - Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới cũng như các yếu tố ảnh hưởng khác tại thời điểm trước khi tổ chức bán đấu giá cổ phần công khai.
- Đối tượng: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (*Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ- CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ*).

**b. Phương thức thanh toán:**

- Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.

**2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá**

Với hình thức cổ phần hóa là kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số tiền thu từ cổ phần hoá để lại doanh nghiệp phân giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành tính theo mệnh giá, phần thặng dư vốn (nếu có) được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa theo quy định hiện hành. Số tiền còn lại (nếu có) được xử lý như quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành cổ phần như sau:

			<i>Đơn vị tính: đồng</i>
<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>Số tiền thu được</i>
1	Số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành cổ phần		165.045.888.000
1.1	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	4.500.000	56.700.000.000
1.2	Bán đấu giá lần đầu ra công chúng (IPO)	6.052.400	76.260.240.000
1.3	Bán cho CBCNV	2.947.600	32.085.648.000
	<i>Bán ưu đãi (60%)</i>	<i>1.022.800</i>	<i>7.581.168.000</i>
	<i>Bán thêm theo năm cam kết làm việc</i>	<i>1.944.800</i>	<i>24.504.480.000</i>
2	Chi phí cổ phần hóa dự kiến		1.298.000.000
3	Chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư		0
4	Số tiền để lại doanh nghiệp (theo giá trị mệnh giá số cổ phần phát hành)		135.000.000.000
5	Số tiền còn lại sau khi xử lý chi phí cổ phần hóa [(5) = (1) - (2) - (3) - (4)]		28.747.888.000

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa*

### 3. Kết luận

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu đã được kiểm toán (hoặc soát xét) do Công ty cung cấp và được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đầu giá.

Trân trọng./.



Tp. Biên Hòa, ngày 19 tháng 08 năm 2015

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT**  
**VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**  
**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**



**NGUYỄN THỊ LỆ HỒNG**

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT**  
**VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

**GIÁM ĐỐC**



**HỒNH KIM VŨ**

